



ĐỀ cương ôn tập Đảng Cộng Sản Việt Nam

Câu 1
Chứng minh rằng, tiền đề cho việc giải quyết những mâu thuẫn của XHCN cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tồn tại ngay chính trong lòng xã hội VN.....3

Câu 2:	5
Phân tích những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới, trong nước những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tác động trực tiếp đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	5
Câu 3.....	5
Phân tích những bước ngoặt quan trọng trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911-1920)? Tại sao trong quá trình tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc lại lựa chọn con đường cách mạng vô sản?.....	5
Câu 5.....	8
Phân tích hệ thống quan điểm về cách mạng GPDT của NAQ 1920 – 1930. Chỉ ra những đóng góp của Người vào kho tàng lí luận CN Mác-Lênin.....	8
Câu 6:.....	9
Vai trò của NAQ đối với sự thành lập Đảng CSVN.....	9
Câu 7:.....	11
Nét độc đáo và tính sáng tạo của “Chính cương sách lược vắn tắt” được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng CSVN.....	11
Câu 8:.....	12
Phân tích các yếu tố cấu thành ĐCSVN (tính phổ biến và tính đặc thù trong quá trình ra đời của Đảng CSVN).....	12
Câu 9:.....	13
Phân tích quá trình Đảng CSVN nhận thức về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ trong thời kỳ cách mạng 1930 – 1939.....	13
Tại sao Đảng CSVN ra đời lại gặp nhiều khó khăn?.....	14
Câu 10:.....	14
Phân tích quá trình hoàn thiện đường lối giải phóng dân tộc của Đảng (1939-1941)? Tại sao chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước của Đảng Cộng sản VN tại hội nghị trung ương VIII (5/1941) lại trở thành một trong những động lực thúc đẩy công cuộc giải phóng dân tộc trên bán đảo Đông Dương đi tới thắng lợi?.....	14
Câu 11.....	19
Chứng minh rằng đường lối đấu tranh giành chính quyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam giai đoạn 1930-1945 là sáng tạo, phù hợp và đáp ứng nhu cầu khách quan của xã hội Việt Nam.....	19
Câu 12:.....	20
Phân tích quá trình hoàn thiện đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam (1939-1941). Ý nghĩa của đường lối đối với cách mạng Việt Nam trong những năm 1939-1945.....	20
Câu 13.....	21
Chứng minh quá trình bổ sung, điều chỉnh đường lối đấu tranh giành chính quyền trong những năm 1941-1945 thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời của Đảng.....	21
Câu 14.....	23
Hãy chứng minh rằng chủ trương Kháng chiến kiến quốc của Đảng những năm 1945-1946 là tư tưởng chiến lược mới, giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam.....	23
Câu 15.....	24
Chứng minh rằng, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng là đúng đắn, phù hợp thực tiễn, đáp ứng nhu cầu khách quan của cuộc kháng chiến.....	24
Câu 16.....	26

<u>Hãy chứng minh rằng, đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng Cộng sản Việt Nam đã phản ánh đúng quy luật vận động của cách mạng từng miền và của chung cả nước giai đoạn 1954-1975.....</u>	<u>26</u>
<u>Câu 17.....</u>	<u>28</u>
<u>Bằng thực tiễn lịch sử, hãy chứng minh rằng, quá trình giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược trong đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã tạo ra sức mạnh to lớn cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi?.....</u>	<u>28</u>
<u>Câu 18.....</u>	<u>31</u>
<u>Phân tích những yếu tố chủ yếu, nền tảng làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước? Yếu tố nào là quan trọng nhất? Vì sao?.....</u>	<u>31</u>
<u>Câu 19.....</u>	<u>31</u>
<u>Phân tích nội dung cơ bản và những điều chỉnh quan trọng trong đường lối Công nghiệp hóa XHCN gắn với thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp (1960-1986).....</u>	<u>31</u>
<u>Câu 20.....</u>	<u>33</u>
<u>Những đột phá đầu tiên trong đổi mới tư duy về cơ chế quản lý kinh tế của Đảng trước năm 1986?.....</u>	<u>33</u>
<u>Câu 21 (SGK).....</u>	<u>34</u>
<u>Chủ trương của Đảng trước đổi mới.....</u>	<u>34</u>
<u>Câu 22.....</u>	<u>36</u>
<u>Năm 2001, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, nhìn lại 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, trong khi khẳng định chủ trương thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta nêu rõ: Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vậy mô hình kinh tế tổng quát là gì?.....</u>	<u>36</u>
<u>Câu 22:.....</u>	<u>37</u>
<u>Như thế nào là XD nền KT thị trường định hướng XHCN.....</u>	<u>37</u>
<u>Câu 24.....</u>	<u>39</u>
<u>Hệ thống chính trị nước ta.....</u>	<u>39</u>
<u>Câu 26: Nội dung đường lối trước đổi mới.....</u>	<u>42</u>
<u>Câu 27.....</u>	<u>42</u>
<u>Nội dung đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới: SGK -241.....</u>	<u>42</u>

Câu 1
Chứng minh rằng, tiền đề cho việc giải quyết những mâu thuẫn của XHCN cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tồn tại ngay chính trong lòng xã hội VN.

Cuối thế kỉ XIX, sau khi cơ bản kết thúc giai đoạn vũ trang xâm lược, thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa. Thực dân Pháp thực hiện chính sách kinh tế phần động, chính sách chuyên chế về chính trị. Chính sách văn hóa của chúng là chính sách “làm cho ngu dân để dễ trị”. Những chính sách nói trên của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam thay đổi: Từ một xã hội phong kiến độc lập trở thành một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến.

Ngoài giai cấp địa chủ, giai cấp nông dân đã tồn tại từ trước, xuất hiện hai giai cấp mới là giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Xã hội Việt Nam tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản gắn liền với nhau: mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với chủ nghĩa thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam, chủ yếu giữa nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến. Mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với bọn thực dân và bè lũ tay sai.

Tuy nhiên trong lòng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những tiền đề để giải quyết những mâu thuẫn này.

Tiền đề thực tiễn, sự áp bức bóc lột vô cùng dã man tàn bạo của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam. Về chính trị, thực dân Pháp áp đặt chính sách cai trị thực dân, tước bỏ quyền lực đối nội, đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn; chia Việt Nam thành ba xứ: Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng.

Về kinh tế, TD Pháp thực hiện chính sách bóc lột: tiến hành cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; đầu tư khai thác tài nguyên; xây dựng một số cơ sở công nghiệp; xây dựng hệ thống đường giao thông, bến cảng phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

Về văn hóa, thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hóa, giáo dục thực dân; dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu.

Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và tư sản diễn ra mạnh mẽ. Những phong trào tiêu biểu diễn ra trong thời kỳ này là: phong trào Cần Vương (1885-1896), cuộc khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang) năm 1884. Trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), các cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp của nhân dân Việt Nam tiếp diễn nhưng đều không thành công.

Bên cạnh các cuộc khởi nghĩa nêu trên, đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của tầng lớp sĩ phu tiến bộ chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi. Ngoài ra trong thời kỳ này ở Việt Nam còn có nhiều phong trào đấu tranh khác như: phong trào Đông kinh nghĩa thực (1907); phong trào “tẩy chay Khách trú”, phong trào chống độc quyền xuất nhập ở cảng Sài Gòn...

Mặc dù bị thất bại, nhưng sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có ý nghĩa rất quan trọng. Nó là sự tiếp nối truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam và chính sự phát triển của phong trào yêu nước đã tạo cơ sở xã hội thuận lợi cho việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lenin, quan điểm cách mạng HCM.

Tiền đề lý luận, năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Người đã tìm hiểu kỹ các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới đặc biệt là Cách mạng tháng 10 Nga. Tháng 7-1920, NAQ đọc bản sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lenin và Người đã tìm thấy con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam. Tại đại hội Đảng xã hội Pháp (12/1920) NAQ tham gia thành lập Đảng Cộng Sản Pháp. Từ đây, NAQ xúc tiến truyền bá chủ nghĩa Mác-Lenin, vạch phương hướng chiến lược Cách mạng Việt Nam và chuẩn bị điều kiện để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phong trào cách mạng vô sản phát triển mạnh mẽ. Từ đầu thế kỷ XX, cùng với sự phát triển của phong trào dân tộc trên lập trường tư sản, phong trào công nhân chống lại sự áp bức bóc lột của tư sản thực dân cũng diễn ra rất sớm. Các cuộc đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1926-1929 mang tính chất chính trị rõ rệt. Cũng vào thời gian này, phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào nông dân diễn ra ở nhiều nơi trong cả nước, dân cày cũng đã tỉnh dậy, chống đế quốc và địa chủ rất kịch liệt.

Trước sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930, hội nghị thành lập Đảng họp ở bán đảo Cửu Long. Hội nghị nhất trí họp nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất lấy tên là Đảng Công sản thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng.

Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường cách mạng là giải phóng dân tộc theo phương hướng cách mạng vô sản, chính là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam; giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra đầu thế kỷ XX; mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước Việt Nam.

Như vậy, với tiền đề thực tiễn và lý luận đó đã giải quyết được hai mâu thuẫn của xã hội Việt Nam đỉnh cao là Cách mạng tháng 8/1945. Đây là mốc đánh dấu kỷ nguyên mới của độc lập tự do dân chủ nhân dân và tiến lên XHCN.

Câu 2:

Phân tích những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới, trong nước những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tác động trực tiếp đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX nhân dân ta bị thực dân Pháp đàn áp, bóc lột hết sức dã man, tàn bạo. Dưới chế độ thực dân phong kiến, nhân dân ta, từ những người lao động đến tầng lớp giữa, một bộ phận tầng lớp trên vô cùng cực khổ, ngột ngạt.

Năm 1917, Cách mạng tháng 10 Nga vĩ đại thắng lợi mở ra thời đại mới- thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới. Thắng lợi của Cách mạng tháng 10 Nga đặt cho những người yêu nước Việt Nam một sự lựa chọn mới: độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa tư bản hay độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thời gian này ở nước ta phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và tư sản diễn ra mạnh mẽ nhưng đều thất bại. Mặc dù bị thất bại, nhưng sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có ý nghĩa rất quan trọng. Nó là sự tiếp nối truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam và chính sự phát triển của phong trào yêu nước đã tạo cơ sở xã hội thuận lợi cho việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lenin, quan điểm cách mạng HCM.

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Người đã tìm hiểu kỹ các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới đặc biệt là Cách mạng tháng 10 Nga. Tháng 7-1920, NAQ đọc bản sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lenin và Người đã tìm thấy con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam. Tại đại hội Đảng xã hội Pháp (12/1920) NAQ tham gia thành lập Đảng Cộng Sản Pháp. Từ đây cùng với việc thực hiện nhiệm vụ đối với phong trào cộng sản quốc tế, Nguyễn Ái Quốc xúc tiến truyền bá chủ nghĩa Mác-Lenin, vạch phương hướng chiến lược cách mạng Việt Nam.

Tháng 6/1925, NAQ lập hội Việt Nam thanh niên cách mạng. Hội có nhiệm vụ truyền bá chủ nghĩa Mác-Lenin và đường lối cứu nước của NAQ về nước, phát triển hội viên, đào tạo cán bộ chuẩn bị tiền đề cho việc thành lập Đảng cộng sản. Năm 1927, bộ tuyên truyền của hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh (tập hợp các bài giảng của NAQ ở lớp huấn luyện chính trị của hội Việt Nam cách mạng thanh niên). Tác phẩm Đường cách mệnh đã đề cập những vấn đề cơ bản của một cương lĩnh chính trị, chuẩn bị tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng Cộng sản VN.

Phong trào cách mạng dân tộc dân chủ dâng cao đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của một Đảng thực sự của giai cấp công nhân. Những người tiên tiến trong Hội Việt Nam thanh niên cách mạng đã sớm nhận biết nhu cầu đó. Cuộc đấu tranh giữa những người nhận thức sớm và những người nhận thức chậm về nhu cầu thành lập Đảng là dấu hiệu về điều kiện ra đời của Đảng Cộng sản VN đang chín muồi.

Từ nửa cuối năm 1929, Hội cách mạng thanh niên cách mạng bị phân hóa. Ngày 17-6-1929, Đông Dương Cộng sản Đảng thành lập. Được sự cổ vũ của sự kiện này, tháng 11-1929 An Nam Cộng sản Đảng ra đời. Tháng 8 và tháng 9 -1929 những người phái “tả” trong Tân Việt họp bàn lập Đảng Cộng sản và ra “Tuyên đạt”. Tiếp đó, đến cuối tháng 12-1929 và ngày 1-1-1930 các đại biểu nhất trí thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Nhận được tin về sự chia rẽ của những người cộng sản ở Đông Dương, NAQ rời Xiêm đến Trung Quốc. Người chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng tại Hương Cảng từ ngày 3 đến 7/2/1930. Hội nghị nhất trí hợp nhất các tổ chức công sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất lấy tên là Đảng Công sản Việt Nam, thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng.

Câu 3

Phân tích những bước ngoặt quan trọng trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911-1920)? Tại sao trong quá trình tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc lại lựa chọn con đường cách mạng vô sản?

Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19-5-1890, quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Lúc nhỏ có tên là Nguyễn Sinh Cung, khi đi học lấy tên là Nguyễn Tất Thành. Lớn lên giữa lúc nước mất nhà tan, đau xót trước cảnh lầm than của đồng bào. Nguyễn Tất Thành sớm có chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành rời đất nước ra đi tìm đường cứu nước, xem các nước làm thế nào rồi trở về giúp đồng bào. Trên lộ trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã trải qua những bước ngoặt lớn.

Một là: Nhận ra hạn chế của các nhà yêu nước đương thời. Nguyễn Ái Quốc rất khâm phục tinh thần yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám, nhưng không đồng ý đi theo con đường của một người nào. Trong khi nhiều người còn ngưỡng mộ cách mạng tư sản, Người đã vượt qua sự hạn chế tầm nhìn của họ, đi tìm con đường cứu nước khác.

Hai là: Tìm ra chỗ hạn chế của cách mạng dân chủ tư sản là những cuộc cách mạng không giải phóng được công nông và quần chúng lao động.

Một cuộc khảo sát có một không hai ở Mỹ, Anh và Pháp đã giúp Nguyễn Ái Quốc nhận ra là ở đâu cũng có hai loại người: người giàu và người nghèo, người áp bức và người bị áp bức. Càng ngày Người càng hiểu sâu sắc bản chất của chủ nghĩa đế quốc.

Ngày 6-7-1911, Nguyễn Tất Thành đến cảng Mácxây, thấy nhiều phụ nữ nghèo khổ. Nguyễn Tất Thành nói với người bạn “Tại sao người Pháp không “khai hóa” đồng bào của họ trước khi đi “khai hóa” chúng ta?”. Làm thuê trên chiếc tàu đi vòng quanh châu Phi, tận mắt trông thấy những cảnh khổ cực, chét chóc của người da đen dưới roi vọt của bọn thực dân, Nguyễn Tất Thành nghĩ: Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu. Giữa tháng 12-1912, Nguyễn Tất Thành tới nước Mỹ, Người dành một phần thời gian để lao động kiếm sống, còn phần lớn thời gian dành cho học tập, nghiên cứu Cách mạng tư sản Mỹ năm 1776. Khi thăm pho tượng Thần Tự do, Nguyễn Tất Thành không để ý đến ánh hào quang quanh đầu tượng mà xúc động trước cảnh những nô lệ da đen dưới chân tượng. Cuối năm 1913, Nguyễn Tất Thành từ Mỹ sang Anh và cuối năm 1917 trở lại Pháp. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) giết hại biết bao sinh mạng, phá huỷ vô vàn của cải. Qua đó Nguyễn Ái Quốc càng hiểu thêm bản chất của chủ nghĩa tư bản.

Quá trình nghiên cứu, xem xét Cách mạng tư sản Mỹ (1776) và Cách mạng tư sản Pháp (1789) đã giúp Nguyễn Ái Quốc học hỏi được nhiều điều. Tuy vậy, Người vẫn đánh giá những cuộc cách mạng tư sản là “những cuộc cách mạng không đến nơi”. Chiến tranh kết thúc, các nước thắng trận họp Hội nghị hoà bình ở Vécxây (Pháp) để chia phần. Thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị bản yêu sách 8 điểm. Trong khi chờ đợi giải quyết vấn đề dân tộc tự quyết, Người chỉ đề cập những yêu sách “tối thiểu” và “cấp thiết”. Tổng thống Mỹ Uynxơn (Wilson), tác giả chương trình 14 điểm với chiêu bài dân tộc tự quyết cũng có mặt ở Hội nghị. Nhưng những yêu sách dù khiêm tốn của Người không được Hội nghị đáp ứng.

Sự kiện này đã giúp Nguyễn Ái Quốc hiểu rõ “chủ nghĩa Uynxơn chỉ là một trò bịp bợm lớn...”. Những lời tuyên bố tự do của nhà chính trị tư sản trong lúc chiến tranh thực ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc. Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình. Đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một đảng tiến bộ hồi bấy giờ, Người có dịp tiếp xúc, hoạt động với nhiều nhà chính trị nổi tiếng ở Pháp. Nguyễn Ái Quốc tìm hiểu và hoạt động trong phong trào công nhân, liên lạc và cùng hoạt động với nhiều nhà cách mạng ở nhiều thuộc địa Pháp.

Ba là: Đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười Nga, đi theo Quốc tế Cộng sản.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi là sự kiện chính trị lớn nhất của thế kỷ XX, mở ra thời đại mới trong lịch sử loài người, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, thời đại thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đặt ra sự lựa chọn mới đối với những người cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc cho một số ít người hay cho đại đa số người? Độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa tư bản hay độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội?

Khi được biết thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, Nguyễn Ái Quốc ngưỡng mộ cuộc cách mạng đó, kính phục Lênin. Người đã tham gia nhiều cuộc vận động ủng hộ nhân dân Nga bảo

vệ thành quả cách mạng. Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba) ra đời, có ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng thế giới. Năm 1920, cuộc đấu tranh giữa hai con đường diễn ra quyết liệt trong nhiều đảng công nhân và ngày trong Đảng Xã hội Pháp: tiếp tục theo Quốc tế thứ hai tức là tiếp tục con đường cải lương hay đi theo Quốc tế thứ ba, con đường cách mạng. Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Luận cương đã giải đáp trúng những vấn đề mà Nguyễn Ái Quốc đang trăn trở tìm hiểu, giúp Người thấy rõ con đường thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, nhận rõ lập trường của Lênin và Quốc tế thứ ba khác hẳn với những lời tuyên bố suông của Quốc tế thứ hai. Luận cương của Lênin đã có ảnh hưởng quyết định đến lập trường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc: Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tán thành Quốc tế thứ ba, đặt cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo cách mạng vô sản, trở thành một trong những nhà sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người Cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Qua mười năm sống và làm việc ở những nước tư bản phát triển, Nguyễn Ái Quốc không choáng ngợp trước sự giàu có của giai cấp tư sản mà lại nhận thấy chế độ tư bản có nhiều khuyết tật. Người khẳng định dứt khoát chủ nghĩa tư bản không cứu được nước, không cứu được dân. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã giúp Nguyễn Ái Quốc nhanh chóng nhận ra chân lý thời đại: Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Khác với các nhà yêu nước đương thời, Nguyễn Ái Quốc có một phương pháp nghiên cứu độc lập, tự chủ, sáng tạo, đem lý luận đối chiếu với thực tiễn, lấy mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội làm tiêu chuẩn đánh giá các học thuyết, tiếp thu kinh nghiệm cách mạng thế giới có chọn lọc. Tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc đã được thể hiện nổi bật trong việc vận dụng học thuyết Mác - Lênin, vạch ra đường lối cứu nước đúng đắn cho dân tộc ta.

Trong quá trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường cách mạng vô sản vì:

Những năm đầu thế kỷ XX, cách mạng Việt Nam đứng trước những thách thức mới, đó là tìm ra con đường giải phóng dân tộc đúng đắn. Con đường phong kiến, khuynh hướng tư sản từng bước dẫn dắt phong trào cách mạng nước ta đi lên nhưng cuối cùng đều thất bại. Đến năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản. Vậy, vì sao Bác lại lựa chọn con đường đó?

Bằng những hoạt động thực tiễn của mình Nguyễn Ái Quốc đã có những nhận thức về cách mạng thế giới và những con đường cứu nước, từ đó Bác lựa chọn con đường đúng đắn cho dân tộc ta.

Năm 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Người đã bôn ba khắp năm châu, và bước đầu có những nhận thức về bạn và thù (trích dẫn câu nói của bác). Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga giành thắng lợi, chủ nghĩa Mác - Lênin đã trở thành hiện thực, đồng thời mở ra một thời đại mới “thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”. Cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng trong việc giải phóng các dân tộc bị áp bức. Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Cách mạng Tháng Mười như tiếng sét đã đánh thức nhân dân Châu Á tỉnh giấc mê hàng thế kỷ nay”. Thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga và những chính sách tiến bộ của nó thực sự đem lại lợi ích cho đông đảo quần chúng nhân dân. Nó chứng tỏ được sự tiến bộ của hình thức cách mạng này.

Trong khi đó, chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc đã để lại những hậu quả vô cùng nặng nề. Loài người căm ghét chiến tranh. Trong khi đó cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga thực sự đem lại hòa bình tự do cho con người. Từ những nhận thức đó Nguyễn Ái Quốc đã bắt đầu tin theo Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga. Người đã có những nhận thức hết sức đúng đắn: Người đánh giá cao tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như Cách mạng Mỹ (1776), cách mạng Pháp (1789)... nhưng cũng nhận thức rõ những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản. Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng tư sản không thể đưa lại độc lập và hạnh phúc thật sự cho nhân dân các nước nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng. (trích dẫn câu nói). Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu cách mạng tháng mười nga 1917. Người rút ra kết luận: “ trong thế giới bấy giờ chỉ có Cách mệnh Nga là thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật”.

Việc Bác lựa chọn con đường cách mạng vô sản cũng xuất phát từ tình hình của cách mạng nước ta lúc đó, cũng như từ yêu cầu của cách mạng. Là nước thuộc địa nửa phong kiến, chịu ách áp bức bóc lột của thực dân Pháp. Pháp áp đặt chính sách cai trị thực dân, đồng thời cấu kết với giai cấp địa chủ trong việc bóc lột kinh tế và áp bức chính trị đối với nhân dân Việt Nam. Mặc dù nền kinh tế có những chuyển biến về cơ bản vẫn là nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn, què quặt, lệ thuộc vào Pháp. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, đời sống của nhân dân lao động hết sức khốn khổ. Xã hội phân hóa ngày càng sâu sắc. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và bọn tay sai lên đến đỉnh điểm. Yêu cầu của cách mạng lúc này là phải giải quyết hai nhiệm vụ cách mạng, đó là: Nhiệm vụ dân tộc nhằm đánh đuổi thực dân pháp, giành lại độc lập cho dân tộc. Và nhiệm vụ dân chủ nhằm đánh đổ chế độ phong kiến đem lại ruộng đất cho nông dân. Trong hai nhiệm vụ trên, nhiệm vụ dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, quan trọng nhất. Con đường giải phóng dân tộc phải thực hiện được cả hai nhiệm vụ đó. Xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam càng thôi thúc Người tìm ra con đường đấu tranh mới. Trước sự xâm lược của thực dân pháp, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và tư sản diễn ra mạnh mẽ. Tiêu biểu là phong trào Cần Vương theo con đường phong kiến, hoạt động của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh theo khuynh hướng tư sản. Các hoạt động yêu nước diễn ra mạnh mẽ nhưng cuối cùng đều thất bại. Những con đường đó không đáp ứng được yêu cầu của cuộc cách mạng, yêu cầu cần có con đường giải phóng dân tộc mới.

Vào tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê nin đăng trên báo nhân đạo. người tìm thấy trong luận cương của Lê Nin lời giải đáp về con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam; về vấn đề thuộc địa trong mối quan hệ với phong trào cách mạng thế giới... Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác – Lê nin. Tại Đại Hội Đảng Xã hội Pháp (tháng 2 – 1920), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập quốc tế cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng Sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của người – từ người yêu nước trở thành người cộng sản và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn: “muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Việc lựa chọn con đường giải phóng đúng đắn cho dân tộc cũng xuất phát từ tấm lòng yêu quê hương, đất nước vô bờ, với sự quyết tâm tìm ra con đường cứu nước cao cả, tất cả trở thành động lực, hun đúc thành ngọn lửa cứu nước, và bằng tài năng mẫn cảm chính trị của mình cũng như những hoạt động miệt mài, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường giải phóng cho cả dân tộc.

Như vậy Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc cho nhân dân Việt Nam. Và thực tế lịch sử đã chứng minh sự lựa chọn đúng đắn đó. Năm 1930, Đảng cộng sản Việt Nam thành lập, đánh dấu sự thắng lợi của khuynh hướng cách mạng vô sản. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, thắng lợi cuộc kháng chiến chống pháp (1954) và kháng chiến chống Mỹ (1975) cũng như thắng lợi của công cuộc Đổi mới hiện nay càng chứng tỏ hướng đi đúng đắn của dân tộc và người có vai trò quan trọng nhất trong việc tìm ra và đặt nền tảng cho cách mạng Việt Nam không ai khác, đó là Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh vĩ đại.

Câu 5

Phân tích hệ thống quan điểm về cách mạng GPDT của NAQ 1920 – 1930. Chỉ ra những đóng góp của Người vào kho tàng lí luận CN Mác-Lênin

Một là, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường của cách mạng vô sản.

Từ đầu những năm 20 thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: chủ nghĩa đế quốc là một con đỉa hai vòi, một vòi bám vào chính quốc, một vòi bám vào thuộc địa. Muốn đánh bại chủ nghĩa đế quốc, phải đồng thời cắt cả hai cái vòi của nó đi, tức là phải kết hợp cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa; phải xem cách mạng ở thuộc địa như là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản, mặt khác, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

Hai là, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

NAQ đã sớm khẳng định: muốn giải phóng dân tộc thành công "trước hết phải có đảng cách mệnh", "đảng có vững cách mệnh mới thành công" "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt" đó là chủ nghĩa Lênin.

Ba là, cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết của toàn dân trên cơ sở liên minh công nông.

Bốn là, cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước CM vô sản ở chính quốc.

Đây là một luận điểm mới và sáng tạo của HCM. Trong phong trào cộng sản quốc tế lúc bấy giờ đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc trực tiếp vào thắng lợi của cách mạng vô sản chính quốc. Do nhận thức được thuộc địa là một khâu yếu trong hệ thống của chủ nghĩa đế quốc, do đánh giá đúng đắn sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, ngay từ năm 1924, Người đã sớm cho rằng cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào CM vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước. Đây là một cống hiến rất quan trọng vào kho tàng lý luận Mác - Lênin, đã được thắng lợi của CM VN chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

Năm là, CM giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang của nhân dân.

Câu 6:

Vai trò của NAQ đối với sự thành lập Đảng CSVN

Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, là vị lãnh tụ của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam. Quá trình hoạt động của Người trong suốt những năm đầu của thế kỷ XX đã đóng vai trò quyết định đối với sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam(3/2/1930).

1. Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc (1911-1920)

- Sau những thất bại liên tiếp của các phong trào yêu nước Việt Nam những năm đầu của thế kỷ XX, trước sự bế tắc của các sĩ phu yêu nước Việt Nam, Người thanh niên trẻ tuổi Nguyễn Tất Thành rất trăn trở về con đường cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam.

- Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành với tên là Nguyễn Văn Ba đã rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm con đường cứu nước mới để giải phóng cho dân tộc. Người đã không sang phương Đông như các sĩ phu yêu nước trước đây, mà Người quyết định đi sang phương Tây để tìm con đường cứu nước mới giải phóng cho dân tộc. Sở dĩ Người quyết định đi sang phương Tây vì: như sau này Người nói lại: “Muốn đánh đuổi được kẻ thù thì phải có sự hiểu biết về kẻ thù đó” và Người cũng muốn tìm hiểu xem cái khẩu hiệu tự do, bình đẳng, bác ái, của Cách mạng Pháp nó được thực hiện như thế nào ở nước Pháp.

- Sau nhiều năm buôn ba khắp năm châu bốn biển, Người đã tìm hiểu các cuộc cách mạng tiêu biểu trên thế giới như: Cách mạng tư sản Mỹ(1776), cách mạng Pháp(1789), Người đánh giá các tư tưởng tự do, bình đẳng bác ái, của các cuộc cách mạng này, nhưng Người cũng nhận thức rõ những hạn chế của các cuộc cách mạng này là “ chưa đến nơi” vì quần chúng nhân dân vẫn đói khổ. Từ đó, Người khẳng định con đường cách mạng tư sản không thể mang lại độc lập và hạnh phúc thực sự cho nhân dân các nước nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng.

- Năm 1917 cách mạng Xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga nổ ra và thành công với sự nhạy cảm chính trị đặc biệt, Nguyễn Ái Quốc hướng đến ánh sáng của cuộc cách mạng này và chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của cuộc cách mạng vĩ đại đó.

- Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vecxay bản yêu sách 8 điểm đòi các quyền tự do dân chủ và bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách đó đã không được các nước đế quốc chú ý đến nhưng nó đã gây được tiếng vang lớn đối với công luận Pháp. Qua sự kiện này Người rút ra cho mình một kết luận quan trọng: muốn giải phóng được dân tộc mình thì phải dựa vào sức mình là chính.”

- Tháng 7/1920, NAQ đã đọc được bản sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê Nin đăng trên báo Nhân Đạo. Người đã tìm thấy trong Luận cương của Lê Nin lời giải đáp về con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam.

- Tại ĐH lần thứ 18 của Đảng xã hội Pháp họp ở Tua(12/1920) NAQ đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc Tế III và tham gia thành lập Đảng CS Pháp. Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong cuộc đời hoạt động của NAQ, Người đã chuyển từ lập trường của chủ nghĩa yêu nước sang lập trường của chủ nghĩa cộng sản và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, đó là con đường giải phóng dân tộc theo cách mạng vô sản.

2. NAQ chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập ĐCSVN(1920-1930)

- Sau khi tìm được con đường cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc, NAQ đã ra sức hoạt động để dần dần truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và những tư tưởng của cách mạng tháng 10 Nga về nước.

- Năm 1921, NAQ cùng một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp thành lập: Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pari, Hội xuất bản từ báo Người cùng khổ do NAQ làm chủ nhiệm và chủ bút. Trong thời gian này Người còn viết nhiều bài đăng trên các báo: Nhân Đạo, Đời sống công nhân, đặc biệt là tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp...những sách báo này được bí mật truyền bá về nước để những người yêu nước Việt Nam đọc và qua đó họ hiểu được bản chất của chủ nghĩa thực dân nói chung và của thực dân Pháp nói riêng, hiểu được những tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin và cách mạng tháng 10 Nga. Góp phần giác ngộ các tầng lớp nhân dân yêu nước.

- Tháng 6/1923 NAQ rời Pháp tới Liên Xô để tham dự Hội nghị Quốc tế nông dân (10/1923). Sau đó, Người ở lại Liên Xô một thời gian để nghiên cứu học tập, làm việc ở Quốc tế Cộng Sản, viết bài cho báo Sự thật, tạp chí thư tín Quốc Tế.

- Ngày 11/11/1924 NAQ về Quảng Châu(TQ) để hoạt động chuẩn bị về chính trị và tổ chức cho việc thành lập ĐCS Việt Nam.

- Tháng 6/1925 tại Quảng Châu, NAQ đã sang lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên với hạt nhân là Cộng sản đoàn, Hội xuất bản tuần báo Thanh Niên làm cơ quan ngôn luận. Đây là một bước chuẩn bị có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời của ĐCSVN.

- Từ năm 1925-1927 NAQ đã mở nhiều lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu để đào tạo đội ngũ cán bộ cho cách mạng VN, Người vừa là người tổ chức lớp vừa là giảng viên, kiêm phiên dịch của lớp. sau các khoá học một số học viên được tuyển chọn và gửi đi học ở trường ĐH Phương Đông(LX), còn phần lớn được về nước để truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tuyên truyền chuẩn bị thành lập Đảng.

- Đầu năm 1927, các bài giảng của Người được xuất bản thành cuốn Đường Kách Mệnh. Qua đó, Người chỉ ra phương hướng cơ bản về chiến lược, sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam. Như vậy, “Đường Kách Mệnh” chính là sự chuẩn bị tư tưởng chính trị cho việc thành lập ĐCSVN của NAQ.

3. NAQ chủ trì hội nghị thành lập ĐCS VN và soạn thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (3/2/1930)

- Nhờ những hoạt động của Người trong những năm 20 của thế kỷ XX mà phong trào công nhân và phong trào yêu nước VN phát triển mạnh mẽ từ tự phát sang tự giác, nhất là trong những năm 1929-1930. Sau một thời gian hoạt động hiệu quả tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên dần dần mất vai trò lịch sử. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng VN những năm 1929-1930 đòi hỏi phải có một Đảng tiên phong lãnh đạo cách mạng mới phù hợp. Để đáp ứng yêu cầu đó. Từ giữa đến cuối năm 1929 ở nước ta đã ra đời 3 tổ chức cộng sản: Đông Dương CS đảng (17/6/1929) ở Bắc kỳ, An Nam CSĐ (7/1929) ở Nam kỳ và Đông Dương CS liên đoàn (9/1929) ở Trung kỳ.

Sự ra đời của 3 tổ chức CS đánh dấu sự phát triển vượt bậc của cách mạng VN. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động, 3 tổ chức Đảng lại có sự phân tán, chia rẽ, tranh giành quyền lãnh đạo lẫn nhau, gây ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng.

- Trước tình hình đó, QTCS gửi thư kêu gọi thành lập 1 Đảng duy nhất, và uỷ nhiệm cho NAQ thay mặt tiến hành tập hợp hội nghị hợp nhất các tổ chức CS ở Đông Dương thành một Đảng duy nhất.

- Ngày 23/12/1929, NAQ từ Thái Lan tới Thượng Hải Người gửi thư về nước mời các đại biểu của các tổ chức CS tới Hương Cảng để họp hội nghị hợp nhất Đảng. từ ngày 3-7/2/1930, hội nghị thành lập Đảng họp tại Cửu Long- Hương Cảng do NAQ chủ trì , sau 5 ngày làm việc khẩn trương các đại biểu đã thảo luận và hoàn toàn nhất trí hợp nhất thành một Đảng lấy tên là ĐCSVN(3/2/1930)

- NAQ soạn thảo Chính cương văn tắt- sách lược văn tắt và điều lệ của Đảng. Những văn kiện này chính thức được thông qua tại ĐH thành lập Đảng CSVN(3/2/1930) và trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng CSVN. Với sự ra đời của Đảng và Cương lĩnh chính trị đúng đắn ĐCSVN đứng đầu là lãnh tụ NAQ-HỒ Chí Minh đã lãnh đạo CMVN thành công, đỉnh cao là CM tháng 8/1945 thành lập ra Nước VNDCCH(2/9/1945)

Như vậy, chúng ta có thể thấy rõ vai trò cực kỳ to lớn và hết sức quan trọng của NAQ đối với sự ra đời của ĐCSVN, đặc biệt là những sự chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức của Người trong những năm 20 của thế kỷ XX cho sự ra đời của ĐCSVN. NAQ- HỒ Chí Minh là vị anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới, Người là lãnh tụ của Đảng, của Phong trào công nhân và của dân tộc Việt Nam.

Câu 7:

Nét độc đáo vào tính sáng tạo của “Chính cương sách lược văn tắt” được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng CSVN.

Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt chính là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua, tại hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản(từ ngày 6-1 đến ngày 8-2-1930).. Nét độc đáo, tính sáng tạo của Cương lĩnh đầu tiên được thể hiện ở những vấn đề sau:

Về cơ sở lý luận: Cương lĩnh đã dựa trên nền tảng lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, một hệ thống lý luận tiên bộ đúng đắn và khoa học. Cương lĩnh khẳng định cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: Cách mạng tư sản dân quyền và Cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn cách mạng này kế tiếp nhau, không có bức tường nào ngăn cách. Cương lĩnh chủ trương: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Qua đó, ta thấy rằng: ngay từ đầu, Đảng ta đã nhận thức rõ con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là kết hợp và gương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là điều hoàn toàn đúng đắn vì nó phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của lịch sử nước ta. Đồng thời, chúng ta cũng thấy được sự vận dụng sáng tạo và hợp lý lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Cương lĩnh khẳng định, nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là chống đế quốc và chống phong kiến. Điều này cũng thể hiện tính đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh. Tính đúng đắn, độc đáo và sáng tạo thể hiện ở chỗ Cương lĩnh đã giải quyết đúng hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam. Mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc đó là: Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược; mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến. Cách mạng Việt Nam muốn đi đến thắng lợi phải giải quyết thành công hai mâu thuẫn đó, nghĩa là phải hoàn thành hai nhiệm vụ mà Cương lĩnh đã đề ra. Về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ trên, Cương lĩnh đã đề cao vấn đề dân tộc hơn vấn đề đấu tranh giai cấp và chống phong kiến là đúng đắn và sáng tạo. Vì: Xã hội Việt Nam lúc đó có hai mâu thuẫn như vừa nêu trên, nhưng mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp là mâu thuẫn bao trùm, chi phối việc giải quyết các mâu thuẫn khác, vấn đề giải phóng dân tộc là vấn đề bức xúc nhất. Bên cạnh đó nét độc đáo của Cương lĩnh còn thể hiện ở chỗ: khác với luận cương chính trị xác định: đánh đổ phong kiến đế quốc để làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập thì Cương lĩnh lại xác định mục tiêu của cách mạng lúc này là làm cho VN hoàn toàn độc lập, nhân dân được tự do, dân chủ.

Về lực lượng cách mạng, Cương lĩnh xác định, ngoài giai cấp công nhân, thì cách mạng “phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức và trung nông... để kéo họ về phe vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa lộ rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng làm cho trung lập”. Như vậy, ngoài công nhân và nông dân là hai lực lượng chính của cách mạng, Cương lĩnh chủ trương phải tranh thủ các lực lượng khác: tư sản dân tộc, tiểu tư sản, trung tiểu địa chủ các loại. Điều đó hoàn toàn phù hợp với thực tế của lịch sử Việt Nam. Vì các giai cấp khác ngoài công nhân và nông dân, có một số bộ phận khác cũng có tinh thần yêu nước, như: Tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ yêu nước..., vì thế, cần phải tranh thủ kéo họ về phe cách mạng. Đó cũng là vấn đề thể hiện sự ưu tiên hơn cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc của Cương lĩnh, đều hoàn toàn hợp lý và đúng đắn.

Cương lĩnh đã xác định đúng đắn vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng: Cách mạng muốn thắng lợi phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, một chính đảng của giai cấp công nhân.

Cương lĩnh khẳng định, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Đây cũng là một nội dung thể hiện tính đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh. Vì: giai cấp tư sản ở các nước, trong thực tế đã cấu kết với nhau để đàn áp phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở chính quốc và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Cho nên cách mạng ở các nước thuộc địa muốn thắng lợi thì nhân dân các nước thuộc địa phải đoàn kết với nhau và đoàn kết với giai cấp vô sản trên thế giới.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta là một cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và tính nhân văn sâu sắc.

Câu 8:
Phân tích các yếu tố cấu thành ĐCSVN (tính phổ biến và tính đặc thù trong quá trình ra đời của Đảng CSVN)

Học thuyết Mác - Lênin khẳng định rằng, Đảng công sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Quy luật chung này được đồng chí Nguyễn ái Quốc vận dụng sáng tạo vào điều kiện Việt Nam, nơi giai cấp công nhân còn ít về số lượng, nhưng người vô sản bị áp bức, bóc lột thì đông. Sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nông và phong trào yêu nước dẫn đến sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam. Muốn xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải coi trọng đầy đủ cả ba yếu tố trên.

Phân tích các yếu tố đối với sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin:

Những tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thức tỉnh những người Việt Nam hướng theo con đường cách mạng đúng đắn đó là con đường cách mạng vô sản.

Đảng cộng sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng chủ nghĩa xã hội xác định đúng vấn đề động lực cách mạng liên minh giai cấp vị trí of cách mạng thuộc địa.

Đó là cơ sở lí luận cho cương lĩnh cách mạng của Đảng sau này. Nhờ có chủ nghĩa Mác-Lênin mà phong trào công nhân đã chuyển từ "tự phát" sang "tự giác".

2. Phong trào công nhân:

Từ đầu thế kỉ XX, cùng với sự phát triển của phong trào dân tộc trên lập trường tư sản, phong trào công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của tư sản, thực dân cũng diễn ra từ rất sớm.

- Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất phong trào công nhân chưa trở thành lực lượng riêng biệt còn hoà lẫn với phong trào yêu nước.

Sự phát triển của phong trào công nhân trong nước đã khẳng định sự lớn lên trong nhận thức tư tưởng của GCCN về cách mạng giải phóng dân tộc VN.

Như vậy phong trào công nhân ngày 1 trưởng thành là 1 trong những điều kiện tất yếu dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản VN.

3. Phong trào yêu nước:

Việt Nam là một quốc gia dân tộc được hình thành từ rất sớm, có nền văn hiến lâu đời, trong đó yêu nước là truyền thống quý báu và đặc sắc, là dòng chủ lưu xuyên suốt lịch sử dân tộc VN. Chủ nghĩa yêu nước là giá trị tinh thần trường tồn trong lịch sử dân tộc và là nhân tố chủ đạo quyết định sự nghiệp chống ngoại xâm của nước ta.

- Ngay từ khi thực dân Pháp đặt chân lên đất nước ta (năm 1858), nhân dân cả nước đã vùng lên chống thực dân Pháp xâm lược

Các phong trào yêu nước từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là sự nối tiếp truyền thống yêu nước, bất khuất của dân tộc ta được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử

Năm 1930 ở VN có 3 yếu tố : chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước đã được kết hợp chặt chẽ với nhau. Sự kết hợp chặt chẽ và nhuần nhuyễn đó đã đặt ra yêu cầu và tạo điều kiện thuận lợi để Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước đã giúp Đảng ta ngay từ khi mới ra đời phát huy được truyền thống yêu nước, đoàn kết được các lực lượng cách mạng và nhờ đó giữ được quyền lãnh đạo cách mạng

Câu 9:

Phân tích quá trình Đảng CSVN nhận thức về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ trong thời kỳ cách mạng 1930 – 1939

Thời kỳ 1930 , luận cương chính trị 1930 xác định:

- Tính chất và mục tiêu chiến lược của cách mạng Đông Dương: Lúc đầu là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền có tính chất thổ địa và phản đế. Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi thì sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà đi thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa

- Nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền: Đấu tranh để đánh đổ các di tích phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất; đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai mặt tranh đấu đó liên lạc mật thiết với nhau nhưng vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền

-Về lực lượng của cách mạng :

+Công nhân và nông dân là hai động lực chính của cách mạng, trong đó giai cấp công nhân là động lực chính và mạnh, là giai cấp lãnh đạo cách mạng; nông dân là một động lực đông đảo và mạnh của cách mạng

+Tư Sản thương nghiệp thì đứng về đế quốc chống Cộng sản. Tư sản công nghiệp thì đứng về quốc gia cải lương, khi cách mạng phát triển cao thì họ sẽ đứng về đế quốc.

+Trong giai cấp tiểu tư sản: bộ phận thủ công nghiệp thì do dự, thành phần thương gia thì không tán thành cách mạng, trí thức thì có xu hướng quốc gia chỉ hăng hái trong thời kì đầu, chỉ các phần tử lao khổ mới theo cách mạng mà thôi.

Nhưng sang thời kỳ 1936-1939 nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ: Được thể hiện trong văn kiện Chung quanh vấn đề chính sách mới công bố tháng 10 năm 1936. Đảng nêu rõ một quan điểm mới : “ Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải gắn kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng.”. Tức là với 2 nhiệm vụ này không nhất thiết phải song song tồn tại, mà phải tùy hoàn cảnh mà đặt nhiệm vụ nào lên hàng đầu hoặc giải quyết các nhiệm vụ một cách liên tiếp, đồng thời xác định kẻ thù nào là nguy hiểm nhất để tập trung lực lượng của dân tộc mà đánh cho toàn thắng.

Quan điểm Đảng về vấn đề tập hợp lực lượng cách mạng những năm 1930 – 1939: thành lập mặt trận nhân dân phản đế gồm mọi giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo với nòng cốt là liên minh công nông.

Tại sao SỰing CSVN ra @êi lụ mét tÊt yÕu lPch sỏ?

1. Họm c¶nh lPch sỏ dÊn @Õn viÕc ra @êi c¶a SỰing lụ mét tÊt yÕu kh, ch quan.

a. Họm c¶nh quèc tÕ.

- C, ch m¹ng th, ng10 Nga (1917) th¼ng lĩ mề ra mét thêi @²i mĩ trong lPch sỏ nh©n lo²i, c¶ t, c dõng thỏc tÕnh c, c d©n tẻc @ang @Êu tranh gi¶i phẫng.

- Nh÷ng tẻng c, ch m¹ng cÊp thiÕt dùavµo C, c níc thuẻc@Pa.

b- Trong níc.

- Sù khai th, c vµ bảc lét thuẻc @Pac¶ña tẻc d©n ph, p @· lụm gay g³t th÷m c, c m©u thuẻn c- b¶n trong lBng x· hẻi ViÕt Nam .

- T×nh tr¹ng khĩng ho¶ng kinh tÕ – x· hẻi, @Æc biÕt lụ c, c m©u thuẻn @©n tẻc vµ giai cÊp @· dÊn @Õn nhu cÇu @Êu tranh @Ó tù gi¶i phẫng.

- Sẻc lÊp d©n tẻc vµ tù do d©n ch¶nh nguyÕn vẫng tha thiÕt c¶a nh©n d©n ta: lụ nhu cÇu bẻc thiÕt c¶a d©n tẻc.

2- Sù ra @êi c¶a SỰing lụ kÕt qu¶c¶a mét qu, tr×nh lù chẵn con cøu níc.

- Cuẻc dÊu tranh chẻng thủc d©n Ph, p x©m líc gi¶nh @ẻc lÊp d©n tẻc tuy @· diÕn rali²n tỏc m¹nh mĩ, nhng c, c phong trµo @Òu lÇn lĩt bP thÊt b²i v× kh¶ng @, p õng @ícnh÷ng yÕu cÇu kh, ch quan c¶a sù nghiÕp gi¶i phẫng d©n tẻc.

- Trong khi phong trµo y²u níc theo khuynh híng chÝnh trP kh, c nhau@ang bÕ t¼c vÒ @-ẻng lẻi khuynh híng v« s¶n th¼ng thÕ: Phong trµo d©n tẻc@i theo khuynh híng v« s¶n.

- SỰing cẻng s¶n ra @êi @Ó gi¶i quyÕt sù khĩng ho¶ng nự.

3- SỰing ra @êi lụ kÕ qu¶ c¶a sù kÕt híp ch¶nh nghỦa M, c- L²nin vớ phong trµo c¶ng nh©n vµ phong trµo y²u níc ViÕt Nam.

- Tỏ sù ph©n tÝch vP chÝ kinh tÕ – x· hẻi c¶a c, c giai cÊp trong ViÕt Nam cho thÊy chØ c¶ giai cÊp c¶ng nh©n lụ giai cÊp c¶ sỏ mÕnh l-nh @²o c, ch m¹ng @Õn th¼ng lĩ cuẻi cẻng.

- NhiÕm vò gi¶i phẫng d©n tẻc @· @Æt l²n vai giai cÊp c¶ng nh©n ViÕt Nam.

- Phong trµo c¶ng nh©n ra @êi vµ ph, t triÕn lụ mét qu, tr×nh lPch sỏ tù nhi²n. Muẻn trẻ thựnh phong trµo tù gi, c nả ph¶i @íc vò trang b¶ng lý luẻn c¶a ch¶nh nghỦa M, c-L²nin: Vò khÝ lý luẻn vµ tẻng c¶a giai cÊp c¶ng nh©n.

- Giai cÊp c¶ng nh©n muỏn l-nh @²o c, ch m¹ng @íc th× ph¶i c¶ c¶ SỰing CS.

- Sù thựnh lÊp SỰing cẻng s¶n lụ quy luẻt c¶a sù vẻn @ẻng c¶a phong trµo c¶ng nh©n tỏ tù ph, t thựnh tù gi, c, nả @íc trang bP b¶ng lý luẻn c, ch m¹ng c¶a ch¶nh nghỦa M, c-L²nin.

- NguyÕn , i Quẻc lụ ngẻi ViÕt Nam @Çu ti²n t×m thÊy ch¶nh nghỦa M, c-L²nin vµ con @ẻng gi¶i phẫng d©n tẻc theo @ẻng lẻi c, ch m¹ng v« s¶n.

- NguyÕn , i Quẻc thủc hiÕn c¶ng cuẻc truyÒn b, ch¶nh nghỦa M, c-L²nin vµo ViÕt Nam, chuẻn bP vÒ chÝnh trP, tẻng vµ tẻ chẻc cho viÕc thựnh lÊp SỰing CS ViÕt Nam .

- Ch¶nh nghỦa M, c –L²nin @íc truyÒn b, vµo ViÕt Nam @· thỏc @Êy phong trµo c¶ng nh©n vµ phong trµo y²u níc ph, t triÕn .

- C, c phong trµo @Êu tranh tỏ n²m 1925- 1929 chẻng tá giai cÊp c¶ng nh©n @· trẻng thựnh vµ @ang trẻ thựnh mét lúc lĩng @ẻc lÊp. T×nh h×nh kh, ch quan Êy @Bi hái ph¶i c¶ mét SỰing CS l-nh @²o.

- Ba tẻ chẻc cẻng s¶n ra @êi (S¶ng d-ng CS SỰing, An Nam CS SỰing, S¶ng d-ng CS SỰing Li²n @ỏm), thỏc @Êy m¹nh mĩ sù ph, t triÕn c¶a phong trµo c, ch m¹ng.

- Ngựy 3-2- 1930 thẻng nhÊt c, c tẻ chẻc CS thựnh mét SỰing: SỰing CSVN.

Câu 10:

Phân tích quá trình hoàn thiện đường lối giải phóng dân tộc của Đảng (1939-1941)? Tại sao chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước của Đảng Cộng sản VN tại hội nghị trung ương VIII (5/1941) lại trở thành một trong những động lực thúc đẩy công cuộc giải phóng dân tộc trên bán đảo Đông Dương đi tới thắng lợi?

Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng được đề ra từ Hội nghị Trung ương VI và được tiếp tục được bổ sung, hoàn chỉnh qua các Hội nghị Trung ương VII, VIII của Đảng.

1. Hội nghị Trung ương VI (11/1939)

a. Hoàn cảnh lịch sử

Ngày 1-9-1939, phát xít Đức tiến công Ba Lan, mở màn cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Ở Đông Dương, thực dân Pháp ra sức vơ vét của cải, tiền bạc, sức người để phục vụ cho chiến tranh. Chúng thẳng tay đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng, thủ tiêu những quyền dân chủ tối thiểu mà nhân dân ta đã giành được trong những năm 1936-1938. Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với thực dân Pháp trở nên gay gắt. Do đó, trong các ngày 6, 7, 8-11-1939, Trung ương Đảng họp ở Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định) để bàn các chủ trương của Đảng trong tình hình mới, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Văn Cừ. Tham dự Hội nghị có các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần...

b. Nội dung hội nghị:

Hội nghị phân tích sâu sắc tính chất, hậu quả của cuộc chiến tranh thế giới; vai trò, vị trí của Đông Dương trong cuộc chiến tranh đó; bản chất sâu xa trong các chính sách phản động của thực dân Pháp; thái độ chính trị của các giai cấp trong xã hội Việt Nam trước biến động của thời cuộc và vạch ra đường lối chính trị, phương hướng, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong tình hình mới. Hội nghị nhận định, phát xít Nhật sẽ chiếm Đông Dương. Bộ máy cai trị ở Đông Dương đang từng bước phát xít hoá, một thứ phát xít thuộc địa tàn bạo và những kẻ đứng đầu bộ máy đó đang mưu toan thoả hiệp, đầu hàng phát xít Nhật. Các chính sách phản động của đế quốc Pháp đẩy nhân dân đến chỗ cùng cực, lay động hầu hết các giai cấp, tầng lớp xã hội, làm cho mâu thuẫn xã hội vốn sâu sắc giữa Pháp với các tầng lớp nhân dân càng thêm sâu sắc, đòi hỏi được giải quyết. Những nhận định và phân tích tình hình đó là cơ sở cho việc định ra phương hướng hành động của toàn Đảng, toàn dân đi tới giải phóng dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân.

Hội nghị đã quyết định điều chỉnh sự chỉ đạo chiến lược cách mạng ở Đông Dương cho phù hợp với hoàn cảnh mới và khẳng định hai nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ đế quốc và giai cấp địa chủ phong kiến không thay đổi, nhưng phải được áp dụng cho phù hợp với tình hình mới. Trong điều kiện chiến tranh thế giới đã nổ ra và bọn thống trị ở Đông Dương thi hành các chính sách vô cùng tàn bạo, chà đạp lên mọi quyền sống của nhân dân, Hội nghị xác định *kẻ thù cụ thể, nguy hiểm nhất* của cách mạng Đông Dương lúc này là chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai phản bội dân tộc, tính chất cuộc cách mạng hiện tại là cách mạng giải phóng dân tộc. *Nhiệm vụ trung tâm trước mắt* của cách mạng Việt Nam nói riêng và cách mạng Đông Dương nói chung là đánh đổ đế quốc và tay sai, giành hoàn toàn độc lập cho dân tộc: **"Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập"**.

Để tập trung đông đảo lực lượng dân tộc, Hội nghị quyết định thay đổi một số khẩu hiệu, chuyển hướng hình thức tổ chức và hình thức đấu tranh:

- Tạm gác khẩu hiệu *tịch thu ruộng đất của giai cấp địa chủ*; chỉ chủ trương *tịch thu ruộng đất của đế quốc và tay sai*.

- Không nêu khẩu hiệu lập *Chính phủ Xô viết công nông* mà đề ra khẩu hiệu thành lập *Chính phủ Liên bang Cộng hoà dân chủ Đông Dương*.

- Quyết định thành lập *Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương* thay cho *Mặt trận dân chủ Đông Dương*, nhằm liên hiệp các lực lượng dân chủ và tiến bộ, kể cả các tổ chức cải lương, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

Về Đảng, Hội nghị đã có nhiều chủ trương củng cố Đảng, làm cho Đảng phải thống nhất ý chí và hành động, phải mật thiết liên lạc với quần chúng, phải có vũ trang lý luận cách mệnh, phải biết lựa chọn cán bộ mới, phải củng cố hệ thống tổ chức khắp các vùng và miền trong cả nước, phải chú ý chống nạn khiêu khích mật thám, tự chỉ trích và đấu tranh nhằm chống cả biểu hiện hữu khuynh và "tả" khuynh,... để bảo đảm Đảng vững mạnh làm tròn sứ mệnh lịch sử khi cao trào giải phóng dân tộc được đẩy mạnh.

Như vậy, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11-1939 đánh dấu sự trưởng thành của Đảng, cụ thể hoá một bước đường lối cứu nước trên tinh thần của Cương lĩnh đầu tiên được hoạch định từ khi thành lập Đảng. Đây là sự chuyển hướng từ đấu tranh chính trị, hoà bình đòi quyền dân sinh dân chủ sang đấu tranh vũ trang - bạo lực, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang để giành chính quyền; từ hoạt động công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp là chủ yếu chuyển sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp là chủ yếu. Những chủ trương của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11-1939 tiếp tục được bổ sung, hoàn chỉnh ở Hội nghị Trung ương (tháng 11-1940) và Hội nghị Trung ương tám (tháng 5-1941).

2. Hội nghị Trung ương VII (11/1940)

a. Hoàn cảnh lịch sử

Tháng 9/1940, phát xít Nhật đổ bộ, chiếm đóng Đông Dương, thực dân Pháp từng bước nhượng bộ và đầu hàng Nhật, nhân dân Việt Nam chịu cảnh “một cổ hai tròng” ách thống trị của Pháp-Nhật. Khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra (27/9/1940), Xứ uỷ Nam Kỳ sau nhiều lần thảo luận đã chủ trương phát động nhân dân vũ trang khởi nghĩa. Mặt khác, hoạt động trong điều kiện chế độ thống trị của Pháp - Nhật ở Đông Dương đã phát xít hoá cho nên tổ chức của Đảng, đặc biệt là cơ quan đầu não của Đảng luôn luôn bị địch đánh phá ác liệt. Trong vòng một năm, kể từ khi chiến tranh bùng nổ, gần như hầu hết uỷ viên trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bị địch bắt. Tháng 11-1940, Ban Chấp hành Trung ương phải kiện toàn lại, và đã họp Hội nghị bàn về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng ở Đông Dương.

b. Nội dung hội nghị

Hội nghị đã bàn sâu và thống nhất với nhiều chủ trương được nêu ra ở Hội nghị Trung ương tháng 11-1939. Phân tích về Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Hội nghị đã đánh giá từng đế quốc, chỉ rõ thủ phạm gây ra chiến tranh và nhận định cả hai phe đế quốc đều rắp tâm tiến công Liên Xô nhằm xoá bỏ Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên. Về phong trào cách mạng thế giới và cuộc chiến tranh đế quốc, Hội nghị cho rằng, chính sách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa tư bản trong điều kiện lao vào chiến tranh, càng làm cho mâu thuẫn giai cấp càng sâu sắc, xô đẩy các tầng lớp nhân dân đi theo giai cấp vô sản. Tại các nước thuộc địa và phụ thuộc, phong trào chống chiến tranh, đòi độc lập dân tộc đã nổ ra ngày càng lan rộng. Về tình hình Đông Dương, Hội nghị cũng phân tích, đánh giá sâu sắc tình trạng sưu cao thuế nặng, chính sách vơ vét của Pháp - Nhật và sự khùng bố đàn áp của chúng, ... đã đẩy nhân dân vào tình thế phải đấu tranh quyết liệt. Căn cứ vào sự phân tích tình hình thế giới và ảnh hưởng của Chiến tranh thế giới lần thứ hai tới Đông Dương, Hội nghị dự đoán: **"Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lĩnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập"**. Hội nghị chủ trương: đi đôi với việc mở rộng Mặt trận phản đế, phải lựa chọn những người hăng hái nhất trong các đoàn thể của Mặt trận, tổ chức các đội tự vệ, trực tiếp vũ trang cho dân chúng, tổ chức nhân dân cách mạng quân, tiến lên vũ trang bạo động. Hội nghị vạch rõ *kẻ thù chính* của nhân dân Đông Dương lúc này là phát xít Pháp - Nhật. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế lúc này thực chất là Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít Pháp - Nhật ở Đông Dương.

Hội nghị đã phân tích, đánh giá khởi nghĩa Bắc Sơn và quyết định duy trì đội du kích Bắc Sơn làm cơ sở cho xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vừa chiến đấu chống địch, bảo vệ nhân dân, vừa phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới thành lập khu căn cứ, lấy vùng Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm. Về xem xét đề nghị khởi nghĩa của Xứ uỷ Nam Kỳ, Hội nghị nhận định điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi, nên không cho phép phát động khởi nghĩa. Đồng chí Phan Đăng Lưu được Hội nghị giao trách nhiệm truyền đạt quyết định của Trung ương Đảng cho Xứ uỷ Nam Kỳ. Đây là một chủ trương sáng suốt của Hội nghị Trung ương tháng 11-1940, thể hiện việc nắm vững lý luận về khởi nghĩa vũ trang cách mạng.

3. Hội nghị Trung ương VIII (5/1941)

a. Hoàn cảnh lịch sử

Thế giới

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ và nhanh chóng lan rộng ra nhiều nước. Phát xít Đức ráo riết chuẩn bị xâm lược Liên Xô, Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc và tiến công xuống phía Nam

Trong nước

Tháng 9/1940 Nhật nhảy vào Đông Dương, Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật, áp bức bóc lột nhân dân Đông Dương. Nhân dân các dân tộc ở Đông Dương phải chịu hai tầng áp bức của Pháp-Nhật. Mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Đông Dương với Pháp-Nhật trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết. Vận mệnh dân tộc nguy vong không lúc nào bằng.

Nhân dân các dân tộc ở Đông Dương ngày càng cách mạng hóa. Nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và cuộc binh biến Đô Lương

Tháng 1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Cao Bằng, thí điểm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để cứu nước, mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ.

Phong trào cách mạng Bắc Sơn-Vũ Nhai được duy trì và phát triển.

Tháng 5/1941, Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng họp tại Pắc Bó (Cao Bằng) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

b. Nội dung hội nghị

-Vạch rõ mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Đông Dương với bọn đế quốc phát xít xâm lược Pháp-Nhật

-Xác định nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng là giải phóng dân tộc, vì “quyền lợi của tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”. Hội nghị chỉ rõ: **“Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia dân tộc. Trong lúc này, nếu không đòi được độc lập tự do cho toàn dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được “ (Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8)**

-Chủ trương tạm gác khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của giai cấp địa chủ chia cho dân nghèo” thay bằng khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công” tiến tới thực hiện “người cày có ruộng”. Như vậy, vấn đề ruộng đất chỉ đề ra ở một mức độ nhất định, nhằm phân hóa giai cấp địa chủ, tập trung mũi nhọn đấu tranh vào đế quốc-phát xít Pháp-Nhật

-Căn cứ vào tình hình cụ thể của cách mạng mỗi nước ở Đông Dương, Hội nghị giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước ở Đông Dương. Song các dân tộc ở Đông Dương phải đoàn kết cùng nhau chống kẻ thù chung là Pháp-Nhật, đồng thời liên hệ mật thiết với Liên Xô và các lực lượng dân chủ chống phát xít.

-Quyết định thành lập ở Việt Nam lấy tên là “Việt Nam độc lập đồng minh” (gọi tắt là Việt Minh) bao gồm các tổ chức quần chúng mang tên “cứu quốc”, nhằm tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng quần chúng nhân dân chống kẻ thù chung là phát xít Pháp-Nhật và tay sai.

-Sau khởi nghĩa thắng lợi sẽ lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, lấy cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc.

-Hội nghị còn vạch ra chủ trương khởi nghĩa vũ trang. Coi việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân; vạch rõ khởi nghĩa vũ trang muốn thắng lợi phải nổ ra đúng thời cơ, phải có đủ điều kiện chủ quan và khách quan; chủ trương đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

Với những chủ trương nêu trên, Hội nghị Trung ương VIII của Đảng đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đã được đề ra từ Hội nghị Trung ương VI của Đảng. Cùng với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh, Hội nghị có tầm quan trọng quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng 8

***Thông qua các hội nghị lần thứ 6, 7, 8 của Trung ương Đảng, Ban chấp hành Trung ương đã vạch rõ hướng chỉ đạo chiến lược như sau:**

Một là: Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu là đế quốc Pháp-Nhật và tay sai, giành độc lập dân tộc. Bởi “trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể

quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”. Nhiệm vụ dân chủ chỉ đề ra ở mức độ thấp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”, chỉ đề ra tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian phản động chia cho dân cày nghèo, giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công.

Đồng thời điều kiện lịch sử của nước ta lúc đó đã đòi hỏi cách mạng Việt Nam phải đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Những điều kiện đó là:

-Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939-1945) bùng nổ. Nước Pháp tham chiến. Bọn phát xít Đức tấn công xâm lược nhiều nước ở châu Âu, tấn công Liên Xô tháng 6/1941.

Nhân dân Liên Xô bắt đầu từ cuối tháng 6/1941 đã tiến hành cuộc kháng chiến chống phát xít, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và liên tiếp giành được thắng lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc đấu tranh giải phóng khỏi ách đế quốc, giải phóng dân tộc.

Nước Pháp tham gia chiến tranh chống phát xít nhưng chẳng bao lâu bọn phản động lên cầm quyền ở Pháp đã đầu hàng. Thực dân Pháp ở Đông Dương thừa dịp đó tấn công cách mạng, nhưng khi Nhật vào Đông Dương thì đầu hàng Nhật. Tất cả những sự kiện trên đã bộc lộ bản chất của thực dân Pháp vừa phản động, vừa hèn nhát trước nhân dân Đông Dương.

-Pháp-Nhật ở Đông Dương câu kết nhau thống trị nhân dân Đông Dương, đặt nhân dân Đông Dương trong tình cảnh “một cổ hai tròng “. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc –phát xít Nhật- Pháp trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho dân tộc Đông Dương ra khỏi ách thống trị của Pháp-Nhật. Vì vậy Đảng ta đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản động quyền lợi dân tộc đem chia cho nông dân nghèo.

Hai là: Quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc.

Để tập hợp lực lượng cách mạng đông đảo trong cả nước, Ban Chấp hành Trung ương quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương; đổi tên các Hội phản đế thành Hội cứu quốc (Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc....) để vận động, thu hút mọi người dân yêu nước không phân biệt thành phần, lứa tuổi, đoàn kết bên nhau cùng cứu Tổ quốc, cứu giống nòi.

Ba là: Quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại

Để đưa cuộc khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi, cần phải ra sức phát triển lực lượng cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xúc tiến xây dựng căn cứ địa cách mạng. Ban Chấp hành Trung ương chỉ rõ việc “chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại”. Trung ương quyết định duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn và chủ trương thành lập những đội du kích hoạt động phân tán, dùng hình thức vũ trang vừa chiến đấu chống địch, bảo vệ nhân dân, vừa phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thành lập khu căn cứ, lấy vùng Bắc Sơn, Vũ Nhai làm trung tâm.

Ban Chấp hành Trung ương xác định phương châm và hình thái khởi nghĩa của nước ta: “Phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận hơn cả mà đánh lại với quân thù...với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa lớn”

Ban Chấp hành Trung ương còn đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng, đồng thời chủ trương gấp rút đào tạo cán bộ, cán bộ lãnh đạo, cán bộ công vận, nông vận, binh vận, quân sự và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

Do điều kiện lịch sử thay đổi, nội dung sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng trong thời kỳ 1939-1945 cũng thay đổi so với thời kỳ 1936-1939. Sự thay đổi đó biểu hiện rõ nét nhất trong việc giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là chống đế quốc và chống phong kiến nhằm xác định đúng đắn mục tiêu cụ thể của cách mạng, đề ra hình thức tập hợp lực lượng sát hợp, và việc xác định phương pháp của cách mạng. Do có sự chuyển hướng

chỉ đạo chiến lược cách mạng kịp thời, đúng đắn, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước của ĐCS VN lại trở thành một trong những động lực thúc đẩy công cuộc gpdn trên bán đảo Đông Dương đi tới thắng lợi vì: giải quyết vấn đề trong từng nước Đông Dương sẽ huy động được sức mạnh tự lực, tự cường, phát huy lòng tự hào dân tộc.

Câu 11

Chứng minh rằng đường lối đấu tranh giành chính quyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam giai đoạn 1930-1945 là sáng tạo, phù hợp và đáp ứng nhu cầu khách quan của xã hội Việt Nam.

Có thể khẳng định rằng đường lối đấu tranh giành chính quyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam giai đoạn 1930-1945 là sáng tạo, phù hợp và đáp ứng nhu cầu khách quan của xã hội Việt Nam, bởi các lẽ sau

Một là, gương cao ngọan cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ là chống đế quốc và chống phong kiến

Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và cương lĩnh của Đảng đã xác định cách mạng nước ta trải qua hai giai đoạn, trước hết là cách mạng dân tộc dân chủ, sau đó chuyển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám là thắng lợi của đường lối gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta đã xác định nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến không thể tách rời nhau. Trải qua 3 cao trào cách mạng, Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ đó và xác định: tuy 2 nhiệm vụ là không tách rời nhau nhưng nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu nhất, nhiệm vụ chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc và phải thực hiện từng bước với các khẩu hiệu cụ thể như: giảm tô, giảm tức, chia ruộng đất công, chia ruộng đất của bọn phản động cho dân nghèo, tiến tới cải cách ruộng đất. Phân tích mâu thuẫn chủ yếu của Việt Nam khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Đảng chủ trương chĩa mũi nhọn của cách mạng vào đế quốc phát xít Nhật-Pháp và bè lũ tay sai nhằm tập trung giải quyết nhu cầu chủ yếu cấp bách của cách mạng là giải phóng dân tộc. Thắng lợi của cách mạng tháng tám là thắng lợi của sự kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến

Hai là, toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công-nông

Cách mạng tháng Tám thắng lợi là nhờ cuộc đấu tranh yêu nước anh hùng của hơn 20 triệu người Việt Nam. Nhưng cuộc nổi dậy củ toàn dân chỉ có thể thực hiện được khi có đạo quân chủ lực là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đạo quân chủ lực này được củng cố qua 3 cao trào cách mạng và lớn mạnh vượt bậc trong tổng khởi nghĩa. Dựa trên đạo quân chủ lực làm nền tảng, Đảng xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc, động viên toàn dân khởi nghĩa thắng lợi

Ba là, lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù

Đảng ta đã lợi dụng được sự mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa đế quốc phát-xít, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và một bộ phận thế lực địa chủ phong kiến, mâu thuẫn trong thế lực ngụy quyền tay sai của Pháp và của Nhật, cô lập cao độ kẻ thù chính là bọn đế quốc phát xít và bọn tay sai phản động tranh thủ hoặc trung lập những phần tử lừng chùng. Như vậy cách mạng tháng Tám giành được chiến thắng nhanh gọn, ít đổ máu

Bốn là, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân

Trong cách mạng Tháng Tám bạo lực của cách mạng là sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp nổi dậy của quần chúng với tiến công của lực lượng vũ trang cách mạng ở cả nông thôn và thành thị, trong đó vai trò quyết định là các cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Cách mạng tháng tám là kết quả của sự kết hợp tất cả các hình thức đấu tranh kinh tế và chính trị, hợp pháp và không hợp pháp của quần chúng, từ thấp đến cao, từ vại địa

phương lan ra cả nước, từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa, đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân

Năm là, năm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ

Đảng ta coi khởi nghĩa là một nghệ thuật, vừa vận dụng nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lenin và kinh nghiệm của cách mạng thế giới, vừa tổng kết kinh nghiệm của cách cuộc khởi nghĩa ở nước ta. Trong rất nhiều văn kiện của Đảng từ năm 1939 đến nửa đầu năm 1945, Đảng đã vạch ra những điều kiện làm cho tổng khởi nghĩa thắng lợi

Cách mạng tháng tám thắng lợi chứng tỏ Đảng đã chọn đúng thời cơ. Đó là lúc bọn cầm quyền phát-xít ở Đông Dương hoang mang đến cực độ sau khi Nhật đầu hàng, nhân dân ta không thể sống nghèo khổ như trước được nữa(khi hơn 2 triệu người đã bị chết đói...) Đảng ta đã chuẩn bị sẵn sàng các mặt chủ trương, lực lượng và cao trào chống Nhật cứu nước làm điều kiện chủ quan cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước

Sáu là, xây dựng một Đảng Mác-Lenin đủ sức lãnh đạo cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Đảng tan gầy từ đầu đã xác định đúng đường lối chiến lược và sách lược cách mạng, không ngừng bổ sung và phát triển đường lối chiến lược và sách lược đó. Điều đó đòi hỏi Đảng phải vận dụng một cách sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lenin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, kịp thời tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng

Đảng ta rất coi trọng việc quán triệt đường lối chiến lược và sách lược, chủ trương của Đảng trong đảng viên và quần chúng cách mạng, không ngừng đấu tranh khắc phục những khuynh hướng lệch lạc. Đảng chăm lo công tác tổ chức cán bộ, giáo dục rèn luyện cán bộ, đảng viên về ý chí bất khuất, phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch. Đảng biết phát huy triệt để vai trò của Mặt Trận Việt Minh với hàng triệu hội viên và thông qua mặt trận để lãnh đạo nhân dân đấu tranh

Câu 12:

Phân tích quá trình hoàn thiện đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam (1939-1941). Ý nghĩa của đường lối đối với cách mạng Việt Nam trong những năm 1939-1945

Kể từ khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Ban chấp hành trung ương Đảng đã họp hội nghị lần thứ sáu (tháng 11-1939), Hội nghị lần thứ bảy (tháng 11-1940) và Hội nghị lần thứ Tám (tháng 5- 1941). Trên cơ sở nhận định khả năng diễn biến của chiến tranh thế giới thứ hai và căn cứ tình hình cụ thể trong nước, Ban chấp hành Trung Ương đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược như sau:

Một là, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Ban chấp hành Trung Ương nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu ở nước ta đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc phát-xít Pháp-Nhật. Bởi “trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không thể đòi lại được”

Để tập trung cho nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng, lúc này, Ban chấp hành trung ương quyết định tạm gác lại khẩu hiệu “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày” thay bằng khẩu hiệu “Tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian cho dân cày nghèo”, “Chia lại ruộng đất cho công bằng và giảm tô, giảm tức”...

Hai là, quyết định thành lập mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc

Để tập hợp lực lượng cách mạng đông đảo trong cả nước, Ban Chấp hành Trung ương quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh thay cho mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, đổi tên các hội phản đế thành hội cứu quốc (Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc, Thiểu niên cứu quốc...) để thu hút, vận động mọi tầng lớp nhân dân yêu nước không phân biệt thành phần, lứa tuổi, đoàn kết bên nhau đặng cứu Tổ quốc, cứu giống nòi

Ba là, quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại

Để đưa cuộc khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi, cần phải ra sức phát triển lực lượng cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xúc tiến xây dựng căn cứ địa cách mạng. Ban chấp hành Trung ương chỉ rõ việc ‘chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại’. Trung ương quyết định duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn và chủ trương thành lập những đội du kích hoạt động phân tán, dung hình thức vũ trang vừa chiến đấu chống địch, bảo vệ nhân dân, vừa phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thành lập khu căn cứ, lấy vùng Lũng Nhai, Bắc Sơn làm trung tâm

Ban chấp hành trung ương xác định phương châm và hình thái khởi nghĩa ở nước ta: “Phải luôn chuẩn bị lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù...với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”

Ban chấp hành trung ương còn đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng, đồng thời chủ trương gấp rút đào tạo cán bộ, cán bộ lãnh đạo, cán bộ công vận, nông vận, binh vận, quân sự và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng

Ý nghĩa của đường lối đối với cách mạng Việt Nam trong những năm 1939-1945

Đường lối giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tập hợp rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước trong mặt trận Việt minh, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng ở cả nông thôn và thành thị, xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang, là ngọn cờ đầu dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân

Sau hội nghị lần thứ tám ban chấp hành trung ương (tháng 5-1941) gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp-Nhật. Người nhấn mạnh: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn tất cả. chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng”

Thực hiện Nghị quyết của Đảng và lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc, các cấp bộ Đảng và mặt trận Việt minh đã tích cực xây dựng các tổ chức cứu quốc của quần chúng, đẩy nhanh việc phát triển lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh của quần chúng. Ngày 25-10-1941, mặt trận Việt minh tuyên bố ra đời. Mặt trận Việt minh đã công bố 10 chính sách vừa ích nước vừa lợi dân, nên được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Từ đầu nguồn cách mạng Pác Bó, Việt Minh đã lan tỏa khắp nông thôn, thành thị, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở. một số tổ chức chính trị yêu nước ra đời và đã tham gia làm thành viên của mặt trận Việt minh như Đảng dân chủ Việt Nam (tháng 6-1944). Lực lượng chính trị quần chúng ngày càng đông đảo và được rèn luyện trong đấu tranh chống Pháp-Nhật theo khẩu hiệu của mặt trận Việt minh

Trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng, đảng đã chỉ đạo việc vũ trang cho quần chúng cách mạng, từng bước tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. từ các đội du kích bí mật, các đội cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã thành lập Việt Nam giải phóng quân. Đảng chỉ đạo việc lập các khu căn cứ và căn cứ địa cách mạng, tiêu biểu là căn cứ Bắc Sơn-Vũ Nhai và căn cứ Cao Bằng. công việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang diễn ra sôi nổi ở các khu căn cứ và khắp các địa phương trong cả nước, đã cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng quần chúng vùng lên đấu tranh giành chính quyền.

Câu 13

Chứng minh quá trình bổ sung, điều chỉnh đường lối đấu tranh giành chính quyền trong những năm 1941-1945 thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời của Đảng.

Vào cuối năm 1944, đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên xô quét sạch phát-xít Đức ra khỏi lãnh thổ của mình và tiến như vũ bão về phía Béclin. Phát-xít Nhật lâm vào nguy khốn. mâu thuẫn Nhật-Pháp ngày càng gay gắt

Đêm 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng quân Nhật

Ngày đêm 9-3-1945, ban thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng ở làng Đình Bảng-Từ Sơn-Bắc Ninh. Ngày 12-3-1945, ban thường vụ trung ương đảng ra chỉ thị “Nhật Pháp đánh nhau và hành động là của chúng ta”

Chỉ thị nhận định: Cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi. Tuy vậy hiện đang có những cơ hội tốt làm cho điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi

Chỉ thị xác định: Sau cuộc đảo chính, phát-xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt duy nhất của nhân dân Đông Dương, vì vậy phải thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát-xít Nhật-Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát-xít Nhật”

Chỉ thị chủ trương: Phát động một phong trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Mọi hình thức tuyên truyền cổ động, tổ chức và đấu tranh lúc này phải thay đổi cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa như tuyên truyền xung phong, biểu tình tuần hành, bãi công chính trị, biểu tình phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói, đẩy mạnh xây dựng các đội tự vệ cứu quốc...

Chỉ thị nêu rõ phương châm đấu tranh lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa

Chỉ thị dự kiến những điều kiện thuận lợi để thực hiện tổng khởi nghĩa như quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh quân Nhật, quân Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản quân Đồng minh để phía sau sơ hở. Cũng có thể là cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập, hoặc Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh Nhật mất tinh thần

Đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận

Từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra rất sôi nổi, mạnh mẽ và phong phú về nội dung và hình thức

Phong trào đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần đã diễn ra trong nhiều nơi ở vùng thượng du và trung du Bắc kỳ. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang

Ở Bắc Giang, quần chúng nổi dậy thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng ở nhiều làng. Đội du kích Bắc Giang được thành lập. Ở Quảng Ngãi, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Ba Tơ. Đội du kích Ba Tơ được thành lập

Giữa lúc cao trào kháng Nhật đang dâng lên mạnh mẽ, ngày 15-4-1945, ban thường vụ trung ương Đảng triệu tập hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hòa, Bắc Giang. Hội nghị nhận định: tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này. Chúng ta phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ. Hội nghị đã quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang sẵn có thành Việt Nam giải phóng quân, quyết định xây dựng 7 chiến khu trong cả nước và chủ trương phát triển lực lượng vũ trang, nửa vũ trang...

Trong 2 tháng 5 và 6 năm 1945, các cuộc khởi nghĩa từng phần liên tục nổ ra và nhiều chiến khu được thành lập ở cả ba miền. Ở khu giải phóng và một số địa phương, chính quyền nhân dân đã được hình thành, tồn tại song song với chính quyền tay sai của phát-xít Nhật

Ngày 4-6-1945, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên.

Giữa lúc phong trào quần chúng trong cả nước đang phát triển mạnh mẽ ở cả nông thôn và thành thị, nạn đói đã diễn ra ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc trung bộ do Nhật Pháp đã vơ vét hàng triệu tấn lúa gạo của nhân dân. Hơn 2 triệu đồng bào ta bị chết đói. Xuất phát từ lợi ích sống còn của quần chúng, Đảng kịp thời đề ra khẩu hiệu “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói”. Chủ trương đó đã đáp ứng đúng nguyện vọng cấp bách của nhân dân ta, vì vậy trong một thời gian ngắn, Đảng ta đã động viên được hàng triệu quần chúng tiến lên trận tuyến cách mạng

Câu 14

Hãy chứng minh rằng chủ trương Kháng chiến kiến quốc của Đảng những năm 1945-1946 là tư tưởng chiến lược mới, giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam

Trả lời

1. Hoàn cảnh nước ta sau Cách mạng Tháng Tám

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân ta vừa có những thuận lợi cơ bản, vừa gặp phải nhiều khó khăn to lớn, hiểm nghèo.

a. Thuận lợi

+Thế giới

- Chiến thắng vĩ đại của Liên Xô chống chủ nghĩa phát xít đã cứu loài người ra khỏi đại họa diệt chủng, từ đó uy tín, ảnh hưởng của Liên Xô càng trở nên mạnh mẽ, sâu rộng trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Từ đó, hệ thống CNXH do Liên Xô đứng đầu được hình thành.

- Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc đều phát triển rộng rãi, làm lay chuyển mạnh mẽ hệ thống thuộc địa của CNĐQ.

+Trong nước

Cách mạng tháng Tám thành công đã đem lại cho cách mạng Việt Nam một thế và lực mới

- Từ một nước thuộc địa, Việt Nam đã trở thành một nước độc lập, nhân dân từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, quyết tâm giữ vững nền độc lập mới giành được.

- Chính quyền dân chủ nhân dân được thiết lập, nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa thật sự là một nước tự do, độc lập.

- Đảng ta từ một Đảng hoạt động bí mật trở thành Đảng cầm quyền, uy tín lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng lớn.

b. Khó khăn

+Kinh tế

- Khó khăn kinh tế chồng chất: Nạn đói làm 2 triệu người chết, nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục thì lũ lụt lại xảy ra tàn phá 9 tỉnh đồng bằng Bắc Bộ; 50% ruộng đất bị bỏ hoang, hạn hán; công nghiệp đình đốn; ngoại thương bế tắc, giá cả tăng vọt; tài chính khó khăn, chính quyền cách mạng tiếp quản kho bạc khoảng 1,2 triệu đồng nhưng có đến hơn một nửa là tiền rách, ngân hàng Đông Dương còn nằm trong tay tư bản Pháp.

+ Văn hóa- xã hội: 95% dân số là mù chữ, các tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, cờ bạc, rượu chè, nghiện hút còn phổ biến

+Chính trị

- Tháng 9/ 1945, từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, 20 vạn quân Tưởng theo thỏa thuận của hội nghị Potsdam, với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật đã tràn vào hầu hết các thành phố, thị xã, thị trấn. Chúng âm mưu tiêu diệt Đảng cộng sản, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền nhân dân, lập ra chính quyền tay sai bù nhìn.

- Từ vĩ tuyến 16 trở vào, quân Anh dưới danh nghĩa quân đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật nhưng lại tiếp tay cho Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. Chúng âm mưu kết hợp với Pháp, Mỹ cùng chống Liên Xô và tạo thế hất cẳng cả hai sau này, đồng thời chống lại âm mưu của Mỹ và giữ các thuộc địa của mình. Mục tiêu của chúng là tiêu diệt chính quyền nhân dân, xóa bỏ những thành tựu cách mạng tháng Tám.

=> Chưa lúc nào trên đất nước Việt Nam lại có nhiều kẻ thù như vậy. Tính đến 10 /1945 trên đất nước ta có khoảng gần 30 vạn quân xâm lược, đối với nước ta kẻ thù nào cũng nguy hiểm.

Thật sự là khó khăn chồng chất khó khăn, chính quyền cách mạng ở vào thế “ nghìn cân treo sợi tóc”

Đứng trước tình hình nghiêm trọng như vậy, ngày 25/11/1945 Ban thường vụ Trung ương Đảng họp nhận định tình hình, quyết định chủ trương đối phó với tình hình mới, đồng thời đề ra chủ trương “Kháng chiến kiến quốc”. Chỉ thị nhận định tình hình thế giới, trong nước, chỉ rõ những thuận lợi cơ bản, những khó khăn của cách mạng nước ta, giải quyết kịp thời nhiều vấn đề quan trọng trong chỉ đạo chiến lược và sách lược.

Nội dung của chủ trương “Kháng chiến kiến quốc”

-Trung ương xác định tính chất của cách mạng Đông Dương lúc này là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Cuộc cách mạng đó chưa hoàn thành vì nước ta chưa hoàn toàn độc lập. Khẩu hiệu vẫn là “Dân tộc trên hết”, “Tổ quốc trên hết” nhưng không phải giành độc lập mà là giữ vững độc lập.

-Phân tích âm mưu, thái độ của từng tên đế quốc đối với Đông Dương, Trung ương nêu rõ: “Kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”. Vì vậy, phải lập mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược, mở rộng mặt trận Việt Minh nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân; thống nhất Mặt trận Việt- Miên – Lào.

-Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân ta lúc này là: củng cố chính quyền cách mạng; chống thực dân Pháp xâm lược; bài trừ nội phản; cải thiện đời sống nhân dân. Đương chủ trương kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa – Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và “Độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp.

Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng. Chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược. Đã chỉ ra kịp thời những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng, nhất là nêu rõ hai nhiệm vụ chiến lược mới của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám là xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước. Đề ra những nhiệm vụ, biện pháp cụ thể về đối nội, đối ngoại để khắc phục nạn đói, nạn dốt, chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Những nội dung của chủ trương kháng chiến kiến quốc được Đảng tập trung chỉ đạo thực hiện trên thực tế với tinh thần kiên quyết, khẩn trương, linh hoạt, sáng tạo, trước hết là trong giai đoạn từ tháng 9 /1945 đến cuối năm 1946.

Câu 15

Chứng minh rằng, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng là đúng đắn, phù hợp thực tiễn, đáp ứng nhu cầu khách quan của cuộc kháng chiến.

a. Hoàn cảnh lịch sử

-Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước ta còn nằm trong vòng vây của CNĐQ và phản động đế quốc. Để bảo vệ chính quyền, tranh thủ thời gian hòa bình, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, Đảng ta đã thực hiện sách lược hòa hoãn với Tưởng và sau đó hòa hoãn với Pháp bằng việc ký hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và tạm ước (14/9/1946). Nhưng với dã tâm xâm lược, cuối năm 1946 Pháp phản bội mọi cam kết, quyết cướp nước ta một lần nữa.

-Trong khi vẫn tiếp tục tấn công Nam Bộ và sau khi ra Bắc, Pháp đã liên tục khiêu khích đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, Hải Dương, Đà Nẵng... Ngày 18/12/1946, ở Hà Nội, Pháp đã gửi tối hậu thư cho ta, gây vụ thảm sát ở phố Hàng Bún (Hà Nội)

-Trước hành động ngày càng lấn tới của thực dân Pháp, ta không thể nhân nhượng được nữa, nhân nhượng nữa là mất nước. Vì vậy, vào đêm 19/12/1946, Đảng và chính phủ đã phát động lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Đường lối toàn quốc kháng chiến của Đảng được hoàn chỉnh và thể hiện tập trung trong 3 văn kiện lớn được soạn thảo và công bố sát trước và sau ngày cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, lời kêu gọi đã tỏ rõ quyết tâm cao độ của nhân dân Việt Nam kháng chiến chống xâm lược. Tiếp đó ngày 22/12/1946, Trung ương Đảng đã ra chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”. Hai văn kiện trên đã chỉ ra những tư tưởng cơ bản đặt nền móng cho đường lối kháng chiến. Những tư tưởng và nội dung cơ bản đó được đồng chí Trường Chinh phát triển đầy đủ trong tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” vào cuối năm 1947, và đã trở thành những quan điểm cơ

bản về đường lối kháng chiến của Đảng. Trong các văn kiện nêu trên, Đảng ta chỉ rõ đối tượng, nhiệm vụ và mục đích của cuộc kháng chiến. “Kẻ thù chính là bọn thực dân phản động Pháp đang dùng vũ khí cướp lại nước ta”. Xác định đúng đối tượng chủ yếu của cuộc kháng chiến là vấn đề cực kỳ quan trọng, nhằm tập trung mũi nhọn để tiêu diệt chúng, đoàn kết mọi lực lượng trong nước, tranh thủ sự giúp đỡ ngoài nước để cô lập kẻ thù. Mục đích của cuộc kháng chiến là giành độc lập, tự do, thống nhất thật sự, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc và phát triển chế độ dân chủ nhân dân. Tính chất của cuộc kháng chiến là cuộc chiến tranh cách mạng có tính chất “dân tộc độc lập và dân chủ, tự do”

Quán triệt mục đích, tính chất của cuộc kháng chiến, Đảng ta đề ra đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính. Đây là đường lối tiến hành chiến tranh nhân dân phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh nước ta.

b. Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến

-Kháng chiến toàn dân: Trong đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, điều cốt lõi nhất và cơ bản nhất là chiến lược toàn dân kháng chiến. Để đánh thắng những quân đội xâm lược lớn của chủ nghĩa đế quốc, Đảng ta đã dựa vào sức mạnh của toàn dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Với chiến lược toàn dân kháng chiến, Đảng đã tổ chức cả nước thành một mặt trận, tạo nên thế “cả nước đánh giặc”. Điều kiện chủ yếu để quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến là huy động cho được sức mạnh toàn dân. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo, đảng phái dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.”, thực hiện mỗi người dân là một chiến sỹ, mỗi làng xóm là một pháo đài. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch HCM không chỉ động viên, cổ vũ toàn dân mà còn làm cho các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các nhân sỹ yêu nước trong khối đoàn kết dân tộc đều cùng đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Đảng ta đã chỉ rõ nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cuộc kháng chiến là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự. Đảng ta sớm xác định được mục tiêu chính trị đúng đắn. Đó là điều cơ bản nhất, là điều kiện đi đến thực hiện toàn dân kháng chiến. Do đó, trong kháng chiến, Đảng ta đã biết tổ chức, vận động các tầng lớp nhân dân đứng lên đánh giặc. Đảng đã phát động toàn dân tham gia kháng chiến bằng nhiều biện pháp đa dạng, phong phú và phù hợp, làm cho toàn dân thấy rõ mục đích kháng chiến, từ đó xác định trách nhiệm phải đứng lên cứu nước. Đồng thời, trong quá trình kháng chiến, Đảng ta còn chăm lo thực hành những cải cách dân chủ, giải quyết từng bước vấn đề ruộng đất, nhằm bồi dưỡng sức dân; nhân dân hăng hái, phấn khởi, tự nguyện góp ngày càng nhiều cho kháng chiến.

-Kháng chiến toàn diện: Để phát huy sức mạnh tổng hợp của cuộc kháng chiến, Đảng ta chủ trương kháng chiến toàn diện trên tất cả các lĩnh vực để tạo thành sức mạnh tổng hợp, tiến công toàn diện kẻ địch.

+Về chính trị: Đảng ta nhấn mạnh vấn đề xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Trong suốt quá trình kháng chiến, Đảng ta đã ra sức củng cố khối liên minh công – nông – trí thức, không ngừng mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc. Đảng đặc biệt chăm lo, củng cố và xây dựng nhà nước dân chủ cộng hòa, thường xuyên kiên trì toàn bộ máy kháng chiến từ trung ương đến địa phương; kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở cả thành thị và nông thôn

+Về quân sự: Đảng đã chăm lo vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xác định đánh lâu dài làm phương châm chiến lược, quán triệt tư tưởng tích cực tiến công, kết hợp đánh địch cả bằng chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, cả bằng quân sự, chính trị và binh vận. Phải xây dựng cho được ba thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, tiến công địch ở cả ba vùng chiến lược: nông thôn, thành thị và miền núi.

+Về kinh tế: Ta vừa phải phá kinh tế địch, vừa xây dựng kinh tế của ta, giảm tức, cải cách ruộng đất, xây dựng nền kinh tế của ta trong thời chiến. Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn, xây dựng nền kinh tế tự chủ, đảm bảo nhu cầu của kháng chiến. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ kháng chiến với kiến quốc.

+Về văn hóa: Ta vừa chống lại văn hóa nô dịch của địch, vừa xây dựng nền văn hóa với ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng.

+Về ngoại giao: Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, mở rộng quan hệ quốc tế nhằm tranh thủ thêm nhiều bầu bạn, làm cho nhân dân thế giới kể cả nhân dân Pháp hiểu và ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

=> Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, ta đã tạo được sức mạnh tổng hợp để đánh thắng thực dân Pháp xâm lược và cũng chính trong lòng cuộc kháng chiến, chế độ dân chủ nhân dân được xây dựng và củng cố.

-Kháng chiến lâu dài và dựa vào sức mình là chính: Trong các văn kiện nói trên, Đảng ta đã chỉ ra rằng phương châm của cuộc kháng chiến là: kháng chiến lâu dài và dựa vào sức mình là chính. Đây cũng chính là quy luật tất yếu của chiến tranh nhân dân do điều kiện so sánh lực lượng giữa ta và địch quy định. Đảng ta chỉ rõ: chỗ mạnh của địch là quân sự, chỗ yếu của địch là chính trị. “Địch mạnh về ngọn, ta mạnh về gốc”. Chiến lược của địch là đánh nhanh, thắng nhanh, ta dùng chiến lược lâu dài để tiêu diệt địch, để có thời gian phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” của ta, chuyển hóa tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến chỗ ta mạnh hơn địch, đánh thắng địch. Dựa vào sức mình là chính là “phải tự cấp, tự túc về mọi mặt”, vì ta bị bao vây bốn phía, chưa được nước nào giúp đỡ nên phải tự lực cánh sinh. Khi nào có điều kiện ta sẽ tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, song lúc đó cũng không được ỷ lại.

Như vậy, đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản như trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lenin, vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ. Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi tới thắng lợi vẻ vang.

Câu 16

Hãy chứng minh rằng, đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng Cộng sản Việt Nam đã phản ánh đúng quy luật vận động của cách mạng từng miền và của chung cả nước giai đoạn 1954-1975

Trả lời:

Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thể hiện qua hai giai đoạn 1954-1965 và 1965-1975

1. Đường lối kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1954-1965

a. Hoàn cảnh lịch sử

-Thuận lợi:

+ Tình hình TG: TG chia làm 2 phe, hệ thống XHCN ngày càng lớn mạnh, đặc biệt là tiềm lực của Liên xô

+ Phong trào GPDT tiếp tục phát triển

+ Phong trào hòa bình dân chủ ở các nước TB ngày càng lên cao

+ Trong nước, miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng và trở thành hậu phương vững chắc cho CM miền Nam.

+Thế và lực CM đã lớn mạnh sau 9 năm trường kì k/c chống TD Pháp, toàn thể dân tộc có ý thức độc lập và thống nhất tổ quốc.

-Khó khăn:

+ Mĩ có tiềm lực về kinh tế, quân sự hùng mạnh

+ TG bắt đầu bước vào thời kì chiến tranh lạnh và chạy đua vũ trang

+ Sự xuất hiện bất đồng trong hệ thống XHCN, nhất là TQ và Liên xô

+ Đất nước ta chia làm 2 miền: miền Bắc lạc hậu, miền Nam là thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

+ Đặc điểm bao trùm của CMVN là 1 Đảng lãnh đạo, thực hiện 2 nhiệm vụ cách mạng khác nhau ở 2 miền.

b. Nội dung đường lối

Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954-1965 được đề ra thông qua quá trình chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chủ trương và được hoàn chỉnh tại Đại hội lần thứ III của Đảng (9/1960)

Nhiệm vụ chung: đoàn kết toàn dân để thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ cách mạng ở 2 miền để thống nhất đất nước, tăng cường sức mạnh của phe XHCN, bảo vệ hòa bình ở khu vực Đông Nam Á và trên TG.

- Nhiệm vụ chiến lược:

+ Miền Bắc: tiến hành CM XHCN

+ Miền Nam: giải phóng khỏi thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai để thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ dân tộc dân chủ trên cả nước

- Mục tiêu chung của chiến lược: 2 nhiệm vụ CM ở 2 miền đều nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của dân tộc ta với đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hòa bình thống nhất tổ quốc

- Mối quan hệ của CM 2 miền: QH mật thiết với nhau trong đó MB là hậu phương lớn, do vậy nó giữ vai trò quyết định nhất đến sự pt của CM miền Nam. Miền Nam giữ vai trò trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng đất nước, thống nhất nước nhà.

- Con đường thống nhất đất nước: trước tiên vẫn kiên trì theo con đường hòa bình. Tuy nhiên phải đề cao cảnh giác nếu địch gây chiến tranh xâm lược MB.

- Triển vọng của CMVN: là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, khó khăn nhưng nhất định thắng lợi.

c. Ý nghĩa

- Đường lối đó thể hiện tư tưởng chiến lược của đảng giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH nên đã tạo ra được sức mạnh tổng hợp, tranh thủ đc sự giúp đỡ của cả LX VÀ TQ, kết hợp nội lực và ngoại lực

- thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong hoạch định đường lối

- đường lối chung của cả nước và đường lối CM của mỗi miền là cơ sở của Đảng ta chỉ đạo quân và dân ta thực hiện tốt các nhiệm vụ CM.

2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1965-1975

a. Bối cảnh lịch sử

- Thuận lợi:

+ phe XHCN ngày càng lớn mạnh tạo đk thuận lợi cho CMVN

+VN đã thực hiện xong kế hoạch 5 năm lần 1 (60-65), do vậy đã đủ sức người sức của chi viện cho chiến trường miền Nam.

+ Miền Nam VN cuối 1965, ta đã đập tan chiến lược Chiến tranh đặc biệt, nguy quân nguy quyền, ấp chiến lược và đô thị để thống trị miền Nam VN

-Khó khăn:

+ bất đồng giữa Liên xô và TQ ngày càng lớn, gây khó khăn cho CMVN

+Mĩ ào ạt đưa quân vào MN và thực hiện "chiến tranh cục bộ". Hạn chế về khu vực, quy mô, mục tiêu làm cho tương quan lực lượng bất lợi cho ta.

b. Nội dung đường lối

• Quá trình hình thành:

- Từ 1960-1962: chủ trương đưa cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần, thành chiến tranh cách mạng trên quy mô toàn diện.

- Thực hành đấu tranh chính trị, đồng thời phát triển đấu tranh vũ trang, đẩy mạnh đánh địch bằng 3 mũi giáp công.

- Vận dụng phương châm đấu tranh phù hợp với đặc điểm từng vùng: miền núi, thành thị, nông thôn

- Hội nghị TƯ lần 9 (11/1963): kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để đánh Mỹ. Xác định đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều có vai trò cơ bản. Còn ở miền Bắc là căn cứ địa.

• ND đường lối: tiếp tục kế thừa và pt đường lối của ĐH 3 và hội nghị TƯ lần 11 (3-1965) và hội nghị TƯ 12 (12-1965).

- Nhận định tình hình và chủ trương chiến lược
- + nhận định tình hình: "chiến tranh cục bộ" là chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới buộc phải thực thi trong thế bị động
- + chủ trương: phát động cuộc k/c chống Mĩ cứu nước trên phạm vi toàn quốc
- quyết tâm và mục tiêu chiến lược: nêu cao khẩu hiệu " quyết tâm đánh thắng giặc mĩ xâm lược ", bảo vệ miền bắc, giải phóng miền nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước
- phương châm chỉ đạo chiến lược:
 - + thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân để chống chiến tranh cục bộ của Mĩ ở MN và bảo vệ MB
 - + thực hiện k/c lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi quyết định trên chiến trường MN.
- tư tưởng chỉ đạo và phương châm đấu tranh ở MN
 - + liên tục tấn công, kiên quyết tấn công, chủ động tìm địch
 - + kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang
 - + đấu tranh quân sự có tác dụng trực tiếp và giữ vị trí ngày càng quan trọng.
- Miền Bắc: chuyển hướng xây dựng kinh tế, kết hợp SX gắn phát triển kinh tế với quốc phòng, chi viện sức người và sức của cho MN, chuẩn bị sẵn sàng để đánh địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước
- Nhiệm vụ và mối quan hệ của 2 cuộc chiến đấu ở 2 miền: Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền bắc là hậu phương lớn, trong đó 2 nhiệm vụ quan hệ mật thiết với nhau

c. Ý nghĩa đường lối: đường lối để ra lần thứ 11 và 12 có ý nghĩa to lớn

- Thể hiện quyết tâm đánh Mĩ và thắng Mĩ để thống nhất tổ quốc, tinh thần độc lập tự chủ tinh thần tiến công quyết gp MN thống nhất tổ quốc
- Thể hiện tư tưởng nắm vững giương cao 2 ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.
- Đưa ra đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh Mĩ xâm lược.

3. Kết quả.

• Ở miền Bắc:

- Tiếp tục phát triển sản xuất, văn hóa, giáo dục...chế độ XHCN bước đầu hình thành , sx nông nghiệp phát triển, công nghiệp đc tăng cường
- Đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ, miền Bắc không những vừa chia lửa cho chiến trường, mà còn hoàn thành xuất sắc vai trò căn cứ địa cách mạng cho cả nước và nhiệm vụ hậu phương lớn cho chiến trường MN

• Miền Nam:

- 1954-1960: đánh bại chiến tranh đơn phương của Mĩ - Ngụy
- 1961-1965: đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt"
- 1965-1968: đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mĩ, buộc Mĩ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pari.
- 1969-1975: đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" mà đỉnh cao là Đại thắng mùa xuân năm 1975 với chiến dịch HCM lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam.

=> Như vậy, đường lối kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của Đảng Cộng sản Việt Nam đã phản ánh đúng quy luật vận động của cách mạng từng miền và của chung cả nước giai đoạn 1954-1975.

Câu 17

Bằng thực tiễn lịch sử, hãy chứng minh rằng, quá trình giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược trong đường lối kháng chiến chống Mĩ, cứu nước đã tạo ra sức mạnh to lớn cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi?

Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1957 – 1975) thắng lợi là kết quả hợp thành của nhiều nhân tố cơ bản tạo ra và nhân lên sức mạnh tổng hợp to lớn của dân tộc Việt Nam, trong đó đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra và chỉ đạo thực hiện có

tính quyết định. Báo chính trị của Ban chấp hành T.Ư Đảng tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV chỉ rõ: “Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta”.

Trung thành vô hạn với Tổ quốc, với nhân dân; kiên định lập trường cách mạng; trên cơ sở đánh giá bản chất, âm mưu và hành động của kẻ thù; đánh giá lực lượng so sánh đôi bên với quan điểm cách mạng và khoa học; bám sát diễn biến thực tế của tình hình chiến trường trong nước, trong khu vực và trên thế giới vững tin vào lòng yêu nước và sức mạnh to lớn của nhân dân Đảng ta, do Chủ tịch Hồ Chí Minh đúng đầu đã đề ra đường lối cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo để lãnh đạo, chỉ đạo, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp giải phóng Miền Nam bảo vệ Miền Bắc thống nhất Tổ quốc. Đường lối ấy của Đảng không ngừng được bổ sung, ngày càng hoàn thiện, là nhân tố quyết định sự phát triển của cuộc kháng chiến, đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù xâm lược.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của đường lối dương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc, kết hợp chặt chẽ và nhịp nhàng trong mối tương quan biện chứng giữa hai nhiệm vụ chiến lược đó với nhau nhằm tạo ra và nhân lên sức mạnh tổng hợp to lớn của cả nước đánh giặc. Đây là cốt lõi của đường lối chính trị của Đảng ta, đồng thời cũng là nét đặc thù nổi bật của cách mạng Việt Nam từ tháng 7 năm 1975 đến tháng 5 năm 1975. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn kiên định và vận dụng sáng tạo đường lối dương cao ngạo cờ độc lập và chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên Miền Bắc là sức mạnh hiện thực đảm bảo cho Miền Bắc có đủ điều kiện cùng một lúc vừa chi viện toàn diện, liên tục ngày càng tăng cường sức người, sức của cho cách mạng Miền Nam, vừa giữ vững sản xuất, đứng đầu, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ - một bộ phận quan trọng của nỗ lực quân sự Mỹ trong cuộc đấu tranh xâm lược Việt Nam nhưng sức mạnh của Miền Bắc còn từ ý chí giải phóng Miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đó là sức mạnh của độc lập dân tộc, của tình cảm Bắc - Nam một nhà. Sức mạnh của Miền Nam trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa xã hội.

Đồng bào, chiến sỹ Miền Nam chiến đấu không chỉ để giải phóng Miền Nam mà còn để bảo vệ Miền Bắc, thống nhất nước nhà, chính vì vậy Đảng ta chỉ rõ: Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc và đấu tranh chống ách thống trị thực dân kiểu Mỹ ở Miền Nam là hai nhiệm vụ thuộc hai chiến lược cách mạng khác nhau ở mỗi miền nhưng lại gắn bó chặt chẽ, ảnh hưởng lẫn nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển trong một thể thống nhất nhằm giải quyết mâu thuẫn bao trùm là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và kẻ thù xâm lược cùng chính quyền và quân đội tay sai của chúng. Trong mối quan hệ biện chứng đó, giữa nhiệm vụ chiến lược ở mỗi miền, Đảng ta chỉ rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc gắn bó chặt chẽ với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Miền Nam và giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ sự nghiệp cách mạng cả nước; đối với cuộc chiến tranh thống nhất nước nhà; cách mạng Miền Nam có vị trí rất quan trọng, có tác dụng quyết định trực tiếp tới sự nghiệp giải phóng Miền Nam.

Dương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đó của Đảng đã động viên và tập hợp một cách rộng rãi, vững chắc mọi lực lượng dân tộc vào sự nghiệp cứu nước. Thực tế 21 năm của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã chứng tỏ đường lối chiến lược đó của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo; bảo đảm cuộc chiến đấu của toàn quân và toàn dân ta trên khắp hai miền giành thắng lợi ngày càng to lớn và toàn diện, đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Miền Nam, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất và thứ hai của không quân và hải quân Mỹ trên vùng trời, vùng biển miền Bắc, giành thắng lợi từng bước, tiến lên đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là ánh sáng soi đường cho toàn đảng, toàn quân và toàn dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời là điều kiện để kết hợp lợi ích cơ bản của dân tộc ta với những mục đích cơ bản của dân tộc là hòa bình, độc lập dân tộc và chủ

nghĩa xã hội. Nói cách khác, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi là của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, kết hợp nghĩa vụ dân tộc với nghĩa vụ quốc tế cao cả, trong sáng. Đây là nội dung quan trọng trong đường lối kháng chiến của Đảng ta và là điều kiện cơ bản tạo ra thế và lực mới, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đến thắng lợi. Đường đầu với cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của một cường quốc lớn mạnh hơn cả về quân sự, kinh tế, trong khi đặc biệt nêu cao ý chí tự lực, tự cường, tinh thần độc lập dân tộc của mọi người Việt Nam yêu nước; xem đó là nội lực, là nhân tố quyết định cơ bản nhất làm nên sức mạnh đánh thắng quân xâm lược, Đảng ta đồng thời khẳng định phải kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế. Xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận không tách rời cách mạng thế giới; đặt cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt Nam trong cục diện chung của thế giới, trong xu thế chuyển biến của thời đại, trong lãnh đạo và chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta gắn liền việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, sách lược của cách mạng với việc đề ra mục tiêu, phương hướng, đường lối, chính sách đối ngoại; chiến lược, sách lược đấu tranh, tập hợp lực lượng, xây dựng, củng cố nền tảng chính sách đối ngoại và nền ngoại giao của ta, chủ động tiến công địch trên trường chính quốc tế. Trên thực tế, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra và thực hiện thành công đường lối, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ mà nội dung cốt lõi là phát triển liên minh chiến đấu và giúp đỡ lẫn nhau giữa nhân dân ba nước Đông Dương; đoàn kết chặt chẽ với lực lượng cách mạng trên thế giới. Trên cơ sở đó hình thành và phát triển một mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết, ủng hộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, tạo ra sức mạnh tổng hợp, to lớn đánh thắng chiến tranh xâm lược của kẻ thù.

Để biến đường lối trên thành hiện thực, vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải tìm ra phương pháp đúng đắn, hiệu quả, phù hợp; phải cụ thể hóa đường lối đó thành các giải pháp cơ bản thích ứng với từng giai đoạn kháng chiến ở mỗi miền. Vấn đề này, Đảng ta đã xác định: Sử dụng bạo lực cách mạng tổng hợp bao gồm lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện trên cả hai miền Nam, Bắc. Thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện; của nghệ thuật chỉ đạo, tiến hành chiến tranh nhân dân tài tình, sắc sảo của Đảng ta. Kế thừa thành quả và kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, phát huy tinh hoa truyền thống quân sự độc đáo của dân tộc, chiến tranh nhân dân trên cả hai miền Nam, Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước phát triển lên một tầm cao mới với nội dung và hình thức đấu tranh hiệu quả và phong phú. Lực lượng tiến hành chiến tranh là toàn dân đánh giặc, gồm lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân làm nòng cốt và lực lượng chính trị quần chúng; vừa là cơ sở để xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, vừa là chỗ dựa vững chắc để lực lượng vũ trang tác chiến, phối hợp với lực lượng vũ trang tiến công, phản công quân địch... phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân là cả nước tổ chức thành một mặt trận rộng lớn, mỗi người dân yêu nước là một chiến sĩ, mỗi làng xã, đường phố là một pháo đài; phát huy sức mạnh tổng hợp của sự kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang trên ba vùng chiến lược, đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự và binh vận, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị với đấu tranh ngoại giao, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng, kết hợp tiêu diệt địch với giành và giữ vững chính quyền làm chủ, chiến tranh du kích kết hợp với chiến tranh chính quy, kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực...

Đường lối chính trị, quân sự và đối ngoại của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, tổng kết thực tiễn phong trào đấu tranh cách mạng sôi nổi, rộng lớn, liên tục, mạnh mẽ trên mọi miền đất nước trong những tháng năm toàn dân tộc đồng lòng đánh Mỹ dưới ngọn cờ của Đảng. Đường lối đó đáp ứng được đòi hỏi bức xúc của cách mạng Việt Nam trước thử thách ngặt nghèo của lịch sử; đáp ứng khát vọng của mọi người dân Việt Nam yêu nước, giành tự do, độc lập, thống nhất non sông, vẹn toàn lãnh thổ. Đó chính là hạt nhân tạo nên sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, là nhân tố quyết định trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 18

Phân tích những yếu tố chủ yếu, nền tảng làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước? Yếu tố nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Trả lời

Thắng lợi của nhân dân ta giành được trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước là thành quả tổng hợp của hàng loạt nhân tố tạo nên sức mạnh vô địch của Cách mạng Việt Nam:

- Có sự lãnh đạo của Đảng được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác- Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, độc lập, tự chủ, sáng tạo.

- Có được truyền thống dân tộc anh hùng và cách mạng. Nhân dân ở cả hai miền đất nước giàu lòng yêu nước, và cách mạng triệt để, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Công cuộc xây dựng và bảo vệ hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa của đồng bào và chiến sĩ miền Bắc. Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh về vật chất, về tiềm lực kinh tế, có sức mạnh quân sự, về tinh thần, về chính trị, có điều kiện tiếp nhận viện trợ từ bên ngoài, có khả năng đáp ứng đầy đủ, kịp thời sức người sức của cho cuộc chiến đấu ở miền Nam, cho cuộc chiến đấu tại chỗ ở miền Bắc, còn đủ sức làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.

- Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Mối quan hệ đó càng bền chặt mỗi lần Mỹ tăng cường mở rộng chiến tranh ở mỗi nước, nhất là trong thời kỳ Nixon gây chiến tranh cho cả Đông Dương. Đồng thời cuộc kháng chiến của nhân dân ta còn được sự ủng hộ, sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự ủng hộ nhiệt tình của Chính phủ và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

Trong các yếu tố kể trên thì yếu tố đường lối cách mạng đúng đắn là yếu tố quan trọng nhất. Đường lối đó chính là kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Nhờ thực hiện theo đường lối đó, chúng ta đã kết hợp được sức mạnh chiến đấu của tiền tuyến lớn với tiềm lực của hậu phương lớn nhờ đó động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân, toàn quân vào cuộc chiến đấu cứu nước. Đồng thời đường lối đó đã thể hiện sự phát triển lên một trình độ mới những truyền thống cách mạng và sáng tạo của Đảng và nhân dân. Đường lối đó đã biết kết hợp chặt chẽ cuộc chiến đấu của nhân dân ta với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới nhờ đó mà cách mạng nước ta tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ của thế giới.

Câu 19

Phân tích nội dung cơ bản và những điều chỉnh quan trọng trong đường lối Công nghiệp hóa XHCN gắn với thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp (1960-1986)

- Đường lối công nghiệp hóa đất nước đã được hình thành từ Đại hội III (tháng 9-1960) của Đảng. Quá trình công nghiệp hóa của nước ta diễn ra trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế luôn diễn biến phức tạp và không thuận chiều. Thực hiện công nghiệp hóa được 4 năm (1960 – 1964) thì đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Đất nước phải trực tiếp thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa xây dựng kinh tế, miền Nam thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc. Khi đất nước vừa thống nhất (1975), cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội được vài năm thì lại xảy ra chiến tranh biên giới phía bắc, rồi kết thúc cuộc chiến này lại kéo theo sự cấm vận của Mỹ. Như vậy, trước thời kỳ đổi mới, nước ta có khoảng 25 năm tiến hành công nghiệp hóa theo 2 giai đoạn: từ 1960 đến 1975 công nghiệp hóa ở miền Bắc và từ 1975 – 1985 công nghiệp hóa trên phạm vi cả nước, hai giai đoạn này có mục tiêu, phương hướng rõ rệt.

Ở miền Bắc, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua phát triển chủ nghĩa tư bản, mặt khác, vừa phải xây dựng CNXH vừa phải chiến đấu chống Mỹ. Điểm xuất phát của Việt Nam khi bước vào thực hiện CNH rất thấp. Đại hội III của Đảng khẳng định: muốn cải biến tình trạng kinh tế lạc hậu của nước ta, không có con đường nào khác, ngoài con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đại hội cũng chỉ rõ để thực hiện được mục tiêu trên thì vấn đề quan trọng có tính quyết định là thực hiện trang bị kỹ thuật cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thực hiện cơ giới hóa sản xuất từ đó nâng cao năng suất lao động. Đại

hội Đảng III xác định rõ mục tiêu cơ bản của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đó là mục tiêu cơ bản, lâu dài, phải thực hiện qua nhiều giai đoạn.

+ Về cơ cấu kinh tế, Đảng xác định: kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng. (Tỷ trọng giá trị công nghiệp tăng từ 18,2% /1960 lên 22,2%/1965; 26,6%/1971; 28,7%/1975)

+ Về chỉ đạo thực hiện công nghiệp hóa, Hội nghị TW lần thứ 7 (khóa III) nêu phương hướng chỉ đạo xây dựng và phát triển công nghiệp là:

- Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp.

- Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ song song với việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. (Vốn đầu tư cho công nghiệp nặng trong thời kỳ 1960 - 1975 tăng 11,2 lần, cho công nghiệp nhẹ tăng 6,9 lần, nông nghiệp tăng 6 lần)

- Ra sức phát triển công nghiệp trung ương, đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương. (Hình thành các trung tâm công nghiệp như Hải Phòng, Quảng Ninh, Việt Trì, Thái Nguyên, Nam Định...)

Về thực chất, đây là sự lựa chọn mô hình chiến lược CNH thay thế nhập khẩu mà nhiều nước, cả nước XHCN và nước TBCN đã và đang thực hiện lúc đó. Chiến lược này được duy trì trong suốt 15 năm ở miền Bắc (1960 – 1975) và 10 năm tiếp theo trên phạm vi cả nước (1976 – 1986).

- Trên phạm vi cả nước, sau đại thắng mùa xuân năm 1975, cả nước độc lập thống nhất và quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chiến lược “Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng...” tiếp tục được khẳng định lại sau 16 năm tại Đại hội IV của Đảng (1976) nhưng chính sách thì đã có thay đổi chút ít “Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất”. Đường lối này nhất trí với những nhận thức cơ bản về công nghiệp hóa ở miền Bắc trước đây đồng thời có sự phát triển thêm.

Đại hội lần thứ V của Đảng (3-1982) đã xác định trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đại hội V coi đó là nội dung chính của công nghiệp hóa trong chặng đường trước mắt. Đây là bước điều chỉnh rất đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nhờ vậy, nền kinh tế quốc dân trong thời kỳ này đã có sự tăng trưởng khá hơn so với thời kỳ 5 năm trước đó. Cụ thể là:

- + Tốc độ tăng trưởng kinh tế 1981: 2,3% 1985: 5,7%

- + Tốc độ tăng trưởng công nghiệp 1981: 9,5%

- + Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp 1981: 5,3% 1985: 3%

- + Năm 1985, công nghiệp nhóm A chiếm 32,7%, công nghiệp nhẹ 67,3%, tiểu thủ công nghiệp 43,5%, công nghiệp địa phương 66%, công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh 56,5%.

- + Tỷ trọng công nghiệp tăng từ 20,2%/1980 lên 30%/1985.

- + Nhập khẩu lương thực giảm hẳn so với 5 năm trước (từ 5,6 triệu tấn thời kỳ 1976-1980 xuống 1 triệu tấn thời kỳ 1981-1985).

Tuy nhiên, trên thực tế chính sách này vẫn không có mấy thay đổi so với trước. Mặc dù nông nghiệp được xác định là mặt trận hàng đầu nhưng Đại hội vẫn xác định “Xây dựng cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp hiện đại, lấy hệ thống công nghiệp nặng tương đối phát triển làm nòng cốt”. Sự điều chỉnh không dứt khoát đó đã khiến cho nền kinh tế Việt Nam không tiến xa được bao nhiêu, trái lại còn gặp nhiều khó khăn và khuyết điểm mới, tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân sau 5 năm không những không ổn định được mà còn lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

Nhìn chung trong thời kỳ 1960-1985 chúng ta đã nhận thức và tiến hành công nghiệp hóa theo kiểu cũ với các đặc trưng cơ bản sau đây:

- Công nghiệp hóa theo mô hình nền kinh tế khép kín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng.

- Chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa, chủ lực thực hiện công nghiệp hóa là Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước; việc phân bổ nguồn lực để công nghiệp hóa chủ yếu bằng cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu trong nền kinh tế thị trường.

- Nóng vội, giản đơn, chủ quan duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế xã hội.

Câu 20

Những đột phá đầu tiên trong đổi mới tư duy về cơ chế quản lý kinh tế của Đảng trước năm 1986?

Dưới áp lực của tình hình kinh tế khách quan (VD: siêu lạm phát xuất hiện và kéo dài, đời sống nhân dân gặp khó khăn, nền kinh tế hoạt động không hiệu quả đi vào trì trệ kéo dài đặc biệt tuy là 1 nước nông nghiệp nhưng VN vẫn phải nhập khẩu lương thực) chúng ta đã có những bước cải cách nền kinh tế theo nền kinh tế thị trường tuy nhiên chưa toàn diện và triệt để. Đó là những biện pháp “xé rào” như khoán hộ, khoán sản phẩm, bù giá vào lương, tăng cường quan hệ ngoại thương với các nước ngoài khối xã hội chủ nghĩa (Có thể kể thêm 1 số hình thức (tùy từng người): khoán ở xí nghiệp đánh cá Vũng Tàu - Côn Đảo năm 1979, khoán ở xí nghiệp xe khách thành phố Hồ Chí Minh năm 1979, khoán nông nghiệp ở Đoàn Xá (Đồ Sơn, Hải Phòng) năm 1980, “phá giá thu mua” lúa của công ty lương thực thành phố Hồ Chí Minh năm 1979 và của An Giang năm 1980, áp dụng cơ chế giá thị trường và bù giá vào lương ở Long An, sự bùng nổ của các công ty xuất nhập khẩu (các imex) ở các tỉnh, thành phố, nhập lậu hàng second hand của các thủy thủ viễn dương, buôn bán hàng hóa của học sinh, cán bộ, lao động Việt Nam ở Đông Âu, chủ động vay ngoại tệ từ Vietcombank để nhập nguyên liệu của xí nghiệp dệt Thành Công (thành phố Hồ Chí Minh), xí nghiệp thuốc lá Vĩnh Hội, xí nghiệp dệt lụa Nam Định, xí nghiệp thuốc là Bông Sen (Thanh Hóa)). Những điển hình “vượt khó” này đã nhanh chóng được học tập, nhân rộng và đã mang lại những hiệu quả nhất định trong tăng năng suất sản xuất, giải quyết tình trạng khan hiếm hàng hóa và nợ lương người lao động. Vì thế, chúng đã thu hút được sự chú ý của các nhà lãnh đạo Đảng và chính phủ. Đó chính là những căn cứ thực tế để Đảng quyết định thay đổi đường lối và tư duy về cơ chế quản lý kinh tế. Tháng 9 năm 1979, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IV tiến hành hội nghị lần thứ 6. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã đọc báo cáo mang tên *Những vấn đề kinh tế cấp bách*. Cuối cùng Hội nghị đã ra nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 20 tháng 9 năm 1979 với tinh thần chính là:

- Cho phép kết hợp kế hoạch hóa với cơ chế thị trường
- Sử dụng lại kinh tế tư nhân bao gồm cả tư bản tư nhân dưới sự quản lý của Nhà nước
- Sửa lại giá lương thực và giá các nông sản khác theo hướng dựa trên thỏa thuận.
- Cho phép địa phương tiến hành xuất nhập khẩu

Năm 1982, Đại hội V của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thừa nhận kinh tế Việt Nam trong thời kỳ 1976-1980 là: "kết quả sản xuất không tương xứng với sức lao động và vốn đầu tư bỏ ra, những mất cân đối lớn của nền kinh tế vẫn trầm trọng, thu nhập quốc dân chưa bảo đảm được tiêu dùng của xã hội trong khi dân số tăng nhanh; thị trường, vật giá, tài chính, tiền tệ không ổn định, đời sống của nhân dân lao động còn nhiều khó khăn".¹ Vì thế, từ năm 1982, Đảng này quyết định Việt Nam sẽ tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp và coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, và kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý, tăng cường phân cấp cho địa phương trong công tác sản xuất và quản lý sản xuất. Kinh tế quốc doanh vẫn tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, kinh tế gia đình được khuyến khích. Thị trường không có tổ chức bị quản lý chặt chẽ. Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động (hay Khoán 100 gọi dựa theo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư trung ương Đảng CSVN khóa IV) và mở rộng quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho các xí nghiệp quốc doanh (nghị quyết

25/CP và nghị quyết 26/CP của Chính phủ) được Đảng và Chính phủ cho phép thí điểm và dần áp dụng rộng rãi từ năm 1981.

Với những tư duy đổi mới của DCSVN đã có cái nhìn đúng đắn hơn về nền KTTT, từng bước chấp nhận sản xuất hàng hóa và nền kinh tế thị trường, xuất hiện nền kinh tế nhiều thành phần (xh nền KT tư nhân). Và thay vì tập trung phát triển công nghiệp như ở gđ trước nay ĐCS đã quyết định tập trung phát triển nông nghiệp nhằm giải quyết tình trạng thiếu lương thực trc mắt.

• Ý nghĩa:

• Giải quyết tình hình khó khăn trc mắt của đất nước: đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể và đạt nhiều thành tựu nhưng chủ yếu là trong nông nghiệp. khoa học kĩ thuật được triển khai, bắt đầu khai thác dầu mỏ và xây dựng nhiều công trình thủy điện như Thủy điện Hòa Bình, Thủy điện Trị An.

• Mặc dù việc đổi mới tư duy và cải cách cơ chế quản lý ko toàn diện và triệt để nhưng nó đã góp phần tạo ra bước ngoặt lịch sử trong việc đổi mới tư duy trong công cuộc xd XHCN thông qua ĐH VI ĐCSVN: Xóa bỏ kinh tế bao cấp, thực hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần

+Đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế: cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+Đổi mới về nội dung và cách thức công nghiệp hóa, thực hiện 3 chủ trương kinh tế:

- o Sản xuất lương thực, thực phẩm
- o Sản xuất hàng tiêu dùng
- o Sản xuất hàng xuất khẩu

Câu 21 (SGK)

Chủ trương của Đảng trước đổi mới

1. Chủ trương của Đảng trc đổi mới

Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hóa XHCN

- Được hình thành từ Đại hội III của Đảng(tháng 9/1960).

- 25 năm tiến hành CNH qua 2 giai đoạn:

+ 1960-1975 : ở miền Bắc

• Từ 1 nền kinh tế lạc hậu tiến thẳng lên CNXH

• Đảng khẳng định tính tất yếu của CNH đối với công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta

• Đại hội cũng chỉ rõ, để thực hiện được mục tiêu trên thì vấn đề quan trọng có tính chất quyết định là thực hiện trang bị kỹ thuật cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thực hiện cơ giới hóa sản xuất, từ đó nâng cao năng suất lao động.

• Công nghiệp hóa XHCN là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.

• Mục tiêu cơ bản: xây dựng một nền kinh tế XHCN cân đối và hiện đại; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của CNXH

• Phương hướng chỉ đạo xây dựng và phát triển Công nghiệp (Hội nghị TW lần thứ 7(khóa III))

* Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng 1 cách hợp lý

* kết hợp chặt chẽ phát triển CN với NN

* Ra sức phát triển Công nghiệp nhẹ song song với việc ưu tiên phát triển Công nghiệp nặng

* Ra sức phát triển công nghiệp TW, đồng thời đẩy mạnh phát triển Công nghiệp địa phương.

+ 1975-1985: trên phạm vi cả nước

• Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, cả nước độc lập, thống nhất và quá độ lên CNXH

• Đại hội IV của Đảng(12/1976) “Đẩy mạnh Công nghiệp hóa XHCN, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng 1 cách hợp lý trên cơ sở phát triển công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; vừa xây

dựng kinh tế TW vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế TW với địa phương thành một cơ cấu kinh tế thống nhất.”

→ nhất trí với nhưng nhận thức cơ bản về CN hóa ở miền Bắc trước đây đồng thời có chỉ đạo thêm.

- Sau khi thực hiện Công nghiệp hóa 5 năm(1976-1981)

→ từ 1 nền sản xuất nhỏ đi lên, điều quan trọng là phải xác định đúng bước đi của CN hóa cho phù hợp với mục tiêu và khả năng của mỗi chặng đường.

- Đại hội lần thứ V(tháng 3/1982) khẳng định

- * lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu

- * phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

- * xây dựng và phát triển công nghiệp nặng cần làm có mức độ, vừa sức

→ nội dung chính của CN hóa trong chặng đường trước mắt.

b. Đặc trưng

- CN hóa theo mô hình nền kinh tế khép kín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng

- CN hóa chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn viện trợ của các nước XHCN; chủ lực thực hiện CN hóa là NN và các doanh nghiệp NN; việc phân bổ nguồn nhân lực để CN hóa được thực hiện thông qua cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp không tôn trọng các quy luật của thị trường.

- Nóng vội, giản đơn, chủ quan duy ý chí, ham làm nhanh làm lớn, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế xã hội.

- Đại hội VI với tư duy đổi mới đã chuyển hướng chiến lược CNH từ ưu tiên phát triển công nghiệp nặng sang lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

Công nghiệp hàng tiêu dùng và xuất khẩu làm trọng tâm(thực hiện chương trình mục tiêu: lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu); bước đầu nhận thức rõ hoạt động dịch vụ trong cơ cấu kinh tế nước ta.

- + Về động lực của CNH: Chủ trương kích thích lợi thế kinh tế, sử dụng kinh tế nhiều thành phần, vai trò của KH-KT...

- + Về nguồn vốn để CNH: Chủ trương tận dụng và phát huy nguồn nội lực ở trong nước, đồng thời mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế.

- Đại hội VII, với bước phát triển trong tư duy công nghiệp hóa của Đảng là: Đẩy mạnh CNH ở nước ta theo hướng hiện đại, với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm, thiết lập từng bước QHSX từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu, phù hợp với sự phát triển của LLSX.

- Hội nghị TW 5 khóa VII (6/1993) đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng, từ CNH đất nước sang tiến hành CNH và HĐH đất nước. Đây là lần đầu tiên trong văn kiện Đảng đưa ra nội dung hiện đại hóa đất nước, hình thành cơ cấu kinh tế mới: Nông- Công nghiệp- Dịch vụ.

- Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII (1/1994) đã thay đổi cụm từ CNH và HĐH bằng cụm từ “ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

- Ở đại hội VIII (6/1996), CNH-HĐH được quan niệm như sau:

- + CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và quản lí kinh tế xã hội.

Từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghiệp, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

- * Đại hội nêu ra 6 quan điểm về CNH, HĐH:

- + Giữ vững độc lập tự chủ, đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế

- + Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập khu vực và thế giới

- + CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn cầu, toàn dân của mọi thành phần kinh tế.

- + Khoa học và công nghệ là động lực của CNH, HĐH

- + Lấy hiệu quả kinh tế- xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, đầu tư.
- + Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh
- Hội nghị TW2, khóa VIII (12/1996) xác định: cùng với giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu là động lực phát triển KT-XH, trở thành nền tảng và động lực cho CNH, HĐH.
- Đại hội IX của Đảng (4/2001) khẳng định con đường CNH, HĐH ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đã đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt.
- Đại hội X của Đảng (4/2006) tiếp tục khẳng định: Đẩy mạnh CNH, HĐH rút ngắn gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và của CNH, HĐH.
- + Xác định động lực cho phát triển nhanh, bền vững ngoài giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, ĐH X còn nhấn mạnh yếu tố tri thức, nhất là nguồn lực con người, nguồn lực của toàn dân tộc, nhằm thực hiện thắng lợi CNH, HĐH trong điều kiện mới.

Câu 22

Năm 2001, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, nhìn lại 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, trong khi khẳng định chủ trương thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta nêu rõ: Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vậy mô hình kinh tế tổng quát là gì?

Mô hình kinh tế tổng quát = công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức + phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hoặc:

Mô hình kinh tế tổng quát = kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa + công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức.

Hoặc nói rộng hơn, đó cũng có thể là:

Mô hình kinh tế tổng quát = công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức + phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa + xây dựng kinh tế độc lập tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

(phần trên chỉ lấy 1 in 3 ý, tùy từng người tốt nhất là lấy cái đầu tiên.)

Mô hình kinh tế tổng quát là một mô hình được hình thành từ thực tiễn Việt Nam nhưng đã tiếp thu có chọn lọc tinh hoa mô hình phát triển của nhiều nước khác, nhất là trong việc tổ chức các hình thức kinh doanh, tổ chức kinh tế và trong phương pháp quản lý hiện đại, có hiệu quả. Song đó là mô hình phù hợp với điều kiện và đặc điểm Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mô hình không phải là cái khung nhất thành bất biến. Nó sẽ được điều chỉnh, bổ sung và phát triển cùng với bước tiến lên của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của chúng ta. Nó vừa khẳng định tính nhất quán và lâu dài của chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta còn muốn nêu lên sự khác biệt mô hình phát triển kinh tế ở nước ta với các mô hình phát triển kinh tế khác ở các nước. Nó chẳng những khác với mô hình kinh tế tập trung kiểu Xô-viết trước đây, không giống mô hình kinh tế theo tư duy cũ ở nước ta trước đổi mới mà cũng không giống mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc ngày nay. Về bản chất nó khác hẳn kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa dù đó là kinh tế thị trường dân chủ xã hội, kinh tế thị trường tự do cổ điển hay tự do mới.

Về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Dự thảo Cương lĩnh đã chỉ rõ đó là:

- Nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

- Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể ngày càng được củng cố và mở rộng. Kinh tế nhà

nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế.

- Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Các yếu tố thị trường tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của nhà nước trong việc quản lý kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có quyền làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

- Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực đều được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, và theo nguyên tắc thị trường. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

Về phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, đã nêu rõ các nội dung:

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Thường xuyên coi trọng phát triển công nghiệp nặng; công nghiệp chế tạo; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.

- Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.
Phân ý nghĩa :(SGK t169)

Câu 22:

Như thế nào là XD nền KT thị trường định hướng XHCN

Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình phát triển kinh tế tổng quát của nước ta hiện nay. Đây là quá trình nhận thức, hoàn thiện tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn của Đảng để thấy rõ hơn về sự tất yếu khách quan, những nội dung và đặc trưng cơ bản, những việc cần thực hiện để đẩy mạnh phát triển kinh tế ở nước ta.

Đối với nước ta, quá trình chuyển đổi từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) thực chất là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, được bắt đầu từ Đại hội Đảng VI (năm 1986) và ngày càng được hoàn thiện. Thực tế 20 năm đổi mới và phát triển nền kinh tế theo mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN đã chứng minh rằng, kinh tế thị trường là con đường phát triển kinh tế có hiệu quả, từ đó quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây là cả một quá trình vừa đổi mới tư duy lý luận, nhất là tư duy kinh tế, vừa bám sát các quy luật khách quan và kịp thời tổng kết thực tiễn đầy sống động của Việt Nam.

Hội nghị Trung ương 6 (tháng 3-1989), khóa VI, phát triển thêm một bước, đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội, coi “chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội”.

Đến Đại hội VII (tháng 6-1991), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nói rõ hơn chủ trương này và khẳng định đây là chủ trương chiến lược, là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng khẳng định: “Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước”. Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) đưa ra một kết luận mới rất quan trọng: “Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội mà là thành tựu

phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng”. Nhưng lúc đó cũng mới nói nền kinh tế hàng hóa, cơ chế thị trường, chưa dùng khái niệm “kinh tế thị trường”. Phải đến Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001) mới chính thức đưa ra khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đại hội khẳng định: Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối chiến lược nhất quán, là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây là kết quả sau nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết thực tiễn; và là bước phát triển mới về tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại hội lần thứ IX của Đảng (năm 2001) khẳng định: "... thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"(1).

Đại hội lần thứ X (năm 2006) Đảng tiếp tục khẳng định: "Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế"(2). Đại hội X tiếp tục làm sáng rõ hơn những vấn đề lý luận liên quan đến xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với 4 nội dung cơ bản là:

- Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.
- Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước.
- Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành của các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh.

- Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức kinh doanh. Như vậy, trải qua các kỳ Đại hội, chúng ta luôn khẳng định con đường mà chúng ta lựa chọn đó là CNXH và để đi lên CNXH chúng ta phải phát triển kinh tế thị trường. Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta được Đảng khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (năm 1991) với 6 đặc trưng cơ bản và đến nay Đại hội Đảng X tiếp tục khẳng định ngày càng sáng tỏ hơn với 8 đặc trưng cơ bản là:

- Là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.
- Do nhân dân làm chủ.
- Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Qua 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với những triển vọng tốt đẹp.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng. Sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt: Đất nước đang gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường. Xây dựng XHCN là một quá trình, là mục tiêu mà chúng ta phải đạt tới. Trong quá trình đó, phải từng bước xác lập, tạo ra những điều kiện, những tiền đề của CNXH, đồng thời tránh nguy cơ chệch hướng.

Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là sự lựa chọn hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển khách quan và xu thế tất yếu của thời đại. Kinh tế thị trường là một phạm trù kinh tế riêng, có tính độc lập tương đối, phát triển theo những quy luật riêng vốn có của nó dù nó tồn tại ở đâu và bất kể thời điểm nào của lịch sử. Song, trong thực tế không có một nền kinh tế thị trường trù tượng, chung chung cho mọi giai đoạn phát triển, mà gắn với mỗi giai đoạn phát triển nhất định của xã hội là những nền kinh tế hàng hóa cụ thể. Điều này phù hợp với nhận định của C.Mác: "sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa là những hiện tượng thuộc về nhiều phương thức sản xuất hết sức khác nhau, tuy rằng quy mô và tầm quan trọng của chúng không giống nhau... chúng ta hoàn toàn chưa biết một tí gì về những đặc điểm riêng của những phương thức sản xuất ấy và chúng ta chưa thể nói gì về những phương thức ấy, nếu như chúng ta chỉ biết có những phạm trù trù tượng của lưu thông hàng hóa, những phạm trù chung cho tất cả các phương thức ấy"(3). Thực tiễn lịch sử cho thấy, cơ sở kinh tế khách quan của sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường cũng là cơ sở kinh tế khách quan của sự hình thành và phát triển kinh tế hàng hóa. Đó là sự phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa quy định. Có nghĩa là kinh tế thị trường tồn tại cả trong chủ nghĩa xã hội cũng như trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Do vậy, trong chủ nghĩa tư bản và trong CNXH đều tồn tại kinh tế thị trường, nhưng có những đặc trưng khác nhau. Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, là nền kinh tế thị trường phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản. Kinh tế thị trường XHCN dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể do Đảng Cộng sản lãnh đạo, mục đích của nền kinh tế thị trường là phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, xóa bỏ chế độ bóc lột, giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

(Các) nguồn Sự lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam không phải là sự gán ghép chủ quan giữa kinh tế thị trường và CNXH, mà là sự nắm bắt và vận dụng xu thế vận động khách quan của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay; là sự tiếp thu có chọn lọc thành tựu văn minh nhân loại, nhằm phát huy vai trò tích cực của kinh tế thị trường trong việc phát triển sức sản xuất, xã hội hóa lao động, cải tiến kỹ thuật - công nghệ, nâng cao đời sống nhân dân... Đồng thời, hạn chế những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường gây ra.

Nói kinh tế thị trường định hướng XHCN có nghĩa là nền kinh tế nước ta không phải là nền kinh tế bao cấp, quản lý theo kiểu tập trung quan liêu; cũng không phải là kinh tế thị trường tự do theo kiểu tư bản chủ nghĩa; và cũng chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường XHCN. Bởi vì Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vừa có, vừa chưa có đầy đủ các yếu tố của CNXH, còn có sự đan xen và đấu tranh giữa cái cũ và cái mới. Cần hiểu rõ nền kinh tế thị trường định hướng XHCN vừa mang tính chất chung của nền kinh tế thị trường, vừa có tính chất đặc thù vì nó hoạt động trong khuôn khổ của những nguyên tắc và bản chất của CNXH.

Câu 24

Hệ thống chính trị nước ta

Bộ phận cấu thành hệ thống chính trị của nước ta gồm:

Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội

Đặc điểm hệ thống chính trị của nước ta:

Một là, các tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta đều lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Các quan điểm và nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đều được tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta vận dụng, ghi rõ trong hoạt động của từng tổ chức.

Hai là, hệ thống chính trị ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là một tổ chức trong hệ thống chính trị nhưng có vai trò lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị. Trong điều kiện cụ thể ở nước ta, do những phẩm chất của mình - Đảng là đại biểu cho ý chí và lợi ích thống nhất của các dân tộc; do truyền thống lịch sử mang lại và do những thành tựu rất to lớn đạt được trong hoạt động thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng... làm cho

Đảng ta trở thành Đảng chính trị duy nhất có khả năng tập hợp quần chúng lao động đông đảo để thực hiện lý tưởng của Đảng, nhân dân tự nguyện đi theo Đảng, thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong thực tế. Đây là đặc trưng cơ bản của hệ thống chính trị ở nước ta.

Ba là, hệ thống chính trị ở nước ta được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc này được tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta thực hiện.

Việc quán triệt và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là nhân tố cơ bản đảm bảo cho hệ thống chính trị có được sự thống nhất về tổ chức và hành động nhằm phát huy sức mạnh đồng bộ của toàn hệ thống cũng như của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị.

Bốn là, hệ thống chính trị bảo đảm sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân, tính dân tộc rộng rãi.

Đây là đặc điểm khác biệt căn bản của hệ thống chính trị ở nước ta với hệ thống chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự thống nhất lợi ích giữa giai cấp công nhân, nhân dân lao động cũng như cả dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Vì sao phải đổi mới:

Trong những năm qua, hệ thống chính trị ở nước ta đã có những đổi mới đáng kể: Đảng đã được củng cố cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức; vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội ngày càng tăng; Nhà nước tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện theo hướng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân và vì dân; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đem lại hiệu quả thiết thực; quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá, tư tưởng được phát huy... Bên cạnh đó, hệ thống chính trị ở nước ta còn bộc lộ nhiều nhược điểm: Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể chính trị-xã hội chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ mới. Bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể chậm được sắp xếp lại cho tinh giản và nâng cao chất lượng, còn nhiều biểu hiện quan liêu, vi phạm quyền dân chủ của nhân dân. Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, thay thế, trẻ hoá, chuẩn bị cán bộ kế cận còn lúng túng, chậm trễ. Năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hoá về phẩm chất đạo đức, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng chưa cao.

Hệ thống chính trị ở cơ sở hiện nay còn nhiều mặt yếu kém, bất cập trong công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, mất đoàn kết nội bộ, vừa vi phạm quyền làm chủ của dân, vừa không giữ đúng kỷ cương, phép nước xảy ra ở nhiều nơi, có những nơi nghiêm trọng. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong hệ thống chính trị chưa được xác định rành mạch, tránh nhiệm không rõ; nội dung và phương thức hoạt động chậm đổi mới, còn nhiều biểu hiện của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Đội ngũ cán bộ cơ sở ít được đào tạo, bồi dưỡng; chính sách đối với cán bộ cơ sở còn chắp vá.

Để tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, từ nay đến năm 2005, cần tập trung giải quyết mấy vấn đề cơ bản và bức xúc sau đây:

Một là, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, đồng thời xây dựng mối quan hệ đoàn kết, phối hợp giữa các tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chi bộ cơ sở; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động hướng vào phục vụ dân, sát với dân, được dân tin cậy.

Hai là, thực hành dân chủ thực sự trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, phát huy quyền làm chủ đại diện, quy định cụ thể việc thực hiện quyền của dân giám sát tổ chức và cán bộ ở cơ sở và kịp thời thay thế người không đủ tin nhiệm. Phát huy dân chủ phải đi liền với củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương theo pháp luật.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, công tâm, thạo việc, tận tụy với dân, biết phát huy sức dân, không tham nhũng, không ức hiếp dân; trẻ hoá đội ngũ, chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết hợp lý và đồng bộ chính sách đối với cán bộ cơ sở.

Trước yêu cầu mới ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cùng với đổi mới nền kinh tế, từng bước đổi mới kiện toàn hệ thống chính trị là đòi hỏi khách quan, yêu cầu cấp bách.

Việc đổi mới hệ thống chính trị phải hướng vào việc thực hiện mục tiêu chủ yếu là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

1. Đổi mới tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng.

Để thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, cần tập trung làm tốt những vấn đề sau:

Một là, nâng cao nhận thức và thực hiện đúng vai trò hạt nhân chính trị và trình độ lãnh đạo của tổ chức Đảng ở các cấp để phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị trong việc thực hiện đường lối của Đảng.

Hai là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cần nâng cao nhận thức và có quan niệm đúng đắn về sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Trước hết là việc đổi mới, việc ra Nghị quyết và chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Đảng. Phát huy dân chủ trong sinh hoạt Đảng, giữ vững đoàn kết thống nhất trong Đảng. Tăng cường công tác kiểm tra, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; tăng cường công tác giáo dục rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên của Đảng...

2. Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước.

Để Nhà nước làm nhiệm vụ quản lý và lãnh đạo xã hội, cần làm tốt một số vấn đề sau:

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của hệ thống chính quyền Nhà nước trong việc mở rộng và thực hiện dân chủ, hoàn thiện cơ chế dân chủ, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, cụ thể hoá phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

- Chăm lo xây dựng, kiện toàn bộ máy của Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở, có cơ cấu gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực với tinh thần trách nhiệm cao. Hoạt động của cơ quan Nhà nước phải đặt nhiệm vụ phục vụ nhân dân lên trên hết, giải quyết đúng đắn và nhanh chóng các công việc có liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân. Giáo dục cán bộ, công chức Nhà nước xây dựng và thực hành phong cách "Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", "Nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin"...

- Xây dựng cơ chế và biện pháp để kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân; ngăn chặn và khắc phục tình trạng dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan, đồng thời nghiêm trị những hoạt động phá hoại gây rối...

- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và trong sinh hoạt của bộ máy Nhà nước.

3. Đổi mới và kiện toàn các đoàn thể chính trị-xã hội.

Những năm qua các tổ chức chính trị-xã hội, các đoàn thể quần chúng nhân dân đã phát huy vai trò của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới, các tổ chức chính trị - xã hội cần được đổi mới toàn diện theo hướng sau đây:

- Nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các đoàn thể quần chúng. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp... các tổ chức quần chúng.

- Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng mở rộng và đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng nhân dân, đáp ứng yêu cầu và chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng và hợp pháp của nhân dân.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân tập trung hướng mạnh về cơ sở. Lãnh đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, ngăn chặn và chống mọi hành động vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đổi mới hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân; gắn hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng... với việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Câu 26: Nội dung đường lối trước đổi mới

- Trước đổi mới:

Hạn chế và nguyên nhân

- Từ cuối những năm 70 nước ta bị bao vây, cấm vận về kinh tế, bị cô lập về chính trị, vừa phải đương đầu với “một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt” của các thế lực thù địch.

Nguyên nhân:

- Do chưa nắm bắt được xu thế quốc tế chuyển từ đối đầu sang hoà hoãn và chạy đua kinh tế.
- Bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan.

* Thời kỳ đổi mới

- Tư tưởng, quan điểm chỉ đạo

+ Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; cố gắng thúc đẩy hợp tác, nhưng vẫn phải đấu tranh dưới hình thức và mức độ thích hợp với từng đối tác; đấu tranh để hợp tác; tránh cực diện đối đầu, tránh bị đẩy vào thế cô lập.

+ Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị, xã hội...

Thành tựu

- Phá thế bị bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.

Câu 27

Nội dung đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới: SGK -241

Chứng minh:

Thành tựu kinh tế của Việt Nam những năm qua đã chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn và khách quan

(ĐCSVN) – Kể từ Đại hội Đảng VI (1986), với đường lối đổi mới đất nước, đặc biệt là những đổi mới trong kinh tế, hơn 23 năm qua (1986-2010), những thành tựu đạt được trong lĩnh vực kinh tế đã khẳng định đường lối đổi mới kinh tế của Đảng đề ra trong từng thời kỳ là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp quy luật khách quan và đáp ứng được lòng mong muốn của nhân dân ta, đem lại kết quả đáng khích lệ và tạo khả năng cho nền kinh tế phát triển tốt hơn trong những năm tới.

Đường lối đổi mới kinh tế của Đảng tạo ra sức mạnh phát triển đất nước

Chủ trương xây dựng trong cả nước một nền kinh tế XHCN theo mô hình “kế hoạch hóa tập trung cao” chủ yếu với hai hình thức sở hữu nhà nước và tập thể; tổ chức sản xuất kinh doanh theo các loại hình xí nghiệp quốc doanh và xí nghiệp hợp tác xã, thực hiện phân phối theo cơ chế quản lý hành chính bao cấp từ Đại hội IV (1976) đưa vào thực hiện không lâu đã bộc lộ sự không phù hợp với tình hình mới về yêu cầu phát triển của nền kinh tế nước ta. Nền kinh tế đi dần vào ngõ cụt, không phát triển được, thậm chí có mặt tụt lùi so với trước, gây ra tình trạng khủng hoảng kinh tế trong nhiều năm không khắc phục được.

Nhận định tổng quát về thực trạng kinh tế nước ta, trong những năm cuối thập kỷ 70, Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV) tháng 8/1979 đã chỉ ra: Việt Nam đang đứng trước nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống; sản xuất phát triển chậm (tốc độ tăng tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân dưới 1%/năm); năng suất lao động quá thấp; đời sống nhân dân thiếu thốn, nhiều hiện tượng trong xã hội có tính tiêu cực nghiêm trọng.

Để khắc phục tình trạng đó, Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV) đã chỉ ra phải nghiên cứu để cải tiến một bước cơ bản các chính sách kinh tế, trước hết là chính sách lưu thông phân phối, khắc phục tình trạng không ăn khớp giữa chính sách đề ra và tình hình thực tế của sản xuất và đời sống xã hội. Chống tư tưởng chủ quan, bảo thủ, không dám nhìn thẳng vào những thiếu sót trong chính sách, đồng thời phải nghiêm túc nghiên cứu các mặt khi xác định chính sách mới để tránh mắc phải sai lầm. Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV) không chỉ xác định thực trạng bế tắc của nền kinh tế nước ta lúc đó mà còn chỉ ra định hướng tư duy mới cho nền kinh tế nước ta nhằm làm cho sản xuất “bung

ra”. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (tháng 3/1982) đã quyết định một số vấn đề rất cơ bản về đổi mới lãnh đạo kinh tế. Kinh tế quốc doanh là chủ đạo, kinh tế quốc doanh cùng với kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) (tháng 1/1994) đề ra chủ trương về công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước trong thời kỳ mới và khẳng định “phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt”.

Sau Đại hội VIII, những động lực mới đã thúc đẩy kinh tế tăng trưởng với mức độ cao và bền vững ở thời kỳ 1991-1995. Tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân 7,9%/năm, tạo điều kiện cho đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang giai đoạn phát triển mới.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6/1996) khẳng định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chỉ rõ mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Đại hội VIII cũng làm rõ hơn định hướng XHCN trong việc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Từ năm 1997 - 1999 thiên tai dồn dập diễn ra gây thiệt hại lớn đối với nhiều vùng của đất nước, cộng vào đó cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực Đông Nam Á và một số nước trên thế giới đã tác động mạnh làm cho nền kinh tế nước ta đứng trước những khó khăn mới. Hội nghị Trung ương 8 khóa VIII (tháng 12/1999) đã đánh giá đúng tình hình, xác định những chủ trương và giải pháp mới nhằm ổn định chính trị và tiếp tục phát triển kinh tế xã hội.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (tháng 4/2001) định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI, với phương hướng tổng quát là “phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN” khẳng định mục tiêu chung của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay là “Độc lập dân tộc gắn liền với CHXN, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh”; đồng thời cũng khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của cả thời kỳ quá độ; chỉ rõ nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay là đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chống nghèo nàn, lạc hậu, khắc phục tình trạng nước nghèo, chậm phát triển; thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH theo định hướng XHCN làm cho nước ta trở thành một nước XHCN phồn vinh. Hội nghị Trung ương 5 khóa IX ra Nghị quyết: Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010; khẳng định kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là Hợp tác xã, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể liên kết rộng rãi người lao động, các hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp không giới hạn quy mô, lĩnh vực, địa bàn; phân phối theo lao động, vốn và mức độ tham gia dịch vụ. Phát triển kinh tế tư nhân là chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; kinh tế tư nhân được phát triển rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất kinh doanh mà pháp luật không cấm, không hạn chế về quy mô; những đảng viên đang làm chủ các doanh nghiệp tư nhân chấp hành tốt Điều lệ Đảng và pháp luật, chính sách của Nhà nước thì vẫn là đảng viên của Đảng; Đại hội IX cũng nhấn mạnh việc phát triển nền kinh tế nước ta ở những thập niên đầu thế kỷ XXI, phải tạo ra bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế. Những chủ trương chính sách kinh tế mới của Đại hội IX và các Nghị quyết Trung ương (khóa IX) đề ra đã nhanh chóng đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng tích cực tạo nhiều cơ hội cho nền kinh tế vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân trong 5 năm (2001 - 2005) là 7,51% và phát triển tương đối toàn diện; lương thực xuất khẩu hàng năm từ 4 đến 5 triệu tấn gạo. Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện, đặc biệt là thành tựu về xóa đói giảm nghèo, chúng ta đã đạt chuẩn quốc tế vào năm 2003.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (tháng 4/2006) đã xác định 5 năm (2006 - 2010) có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu của thế kỷ XXI và đề ra mục tiêu phương hướng tổng quát trong lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục đổi mới nền kinh tế. Đó là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho CNH, HĐH đất

nước... sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Từ mục tiêu tổng quát trên trong lĩnh vực kinh tế, Đại hội X chỉ rõ một số quan điểm lớn về đổi mới như: Đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức. Đây là thể hiện bước tiến về nhận thức của Đảng ta, bắt kịp xu thế phát triển mới của thế giới. Đại hội X chủ trương phát triển nhanh hơn công nghiệp và xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và hiện đại hóa; tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ; tạo bước ngoặt về hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại.

Đảng tiếp tục lãnh đạo công cuộc đổi mới kinh tế, đổi mới đất nước trong giai đoạn mới

Thực tiễn những thành công kinh tế Việt Nam đạt được như ngày hôm nay đã thể hiện tính đúng đắn, khách quan và phù hợp của chủ trương, chính sách. Nền kinh tế tiếp tục có tốc độ tăng trưởng khá nhanh. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu. Hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến mới rất quan trọng. Tiềm lực kinh tế, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường đáng kể; khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng lên. Văn hóa - xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả nổi bật. Chính trị - xã hội ổn định. Độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia được giữ vững. Thế và lực của đất nước vững mạnh thêm, vị thế quốc tế của đất nước được nâng lên rõ rệt.

Trong bối cảnh mới, cùng với sự hội nhập ngày càng sâu rộng vào môi trường khu vực và quốc tế, cần phải nhận thức được rằng: luôn luôn chủ động, sáng tạo và dựa vào nội lực. Để từ đó thấy rằng: mọi chủ trương chính sách tiếp tục đổi mới kinh tế phải coi ưu tiên số một là giải phóng lực lượng sản xuất và mọi nguồn lực, mọi tiềm năng của xã hội nhằm tất cả vì mục tiêu phát triển.

Đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay bảo đảm cho kinh tế tăng trưởng nhanh, phát triển bền vững là nhiệm vụ chính trị trọng đại hàng đầu, là nhiệm vụ trung tâm.

Bên cạnh đó, phải lưu ý lãnh đạo thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ song song: CNH, HĐH gắn liền với phát triển kinh tế tri thức và phát triển mạnh nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cần phải nhận thức sâu sắc rằng thành công của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước trước mắt, cũng như lâu dài không thể tách rời sự phát triển ngày càng hiện đại của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Do đó, là một trong những vấn đề có tính “hạt nhân” của sự tiếp tục đổi mới lãnh đạo kinh tế của Đảng là đề ra và thực hiện được những chính sách kinh tế có tác động tích cực thúc đẩy mạnh nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng XHCN và thực hiện có hiệu quả các chính sách CNH, HĐH đất nước để từng bước thực hiện được mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Cũng cần phải giải quyết tốt mâu thuẫn giữa nguy cơ tụt hậu của nền kinh tế với yêu cầu bắt buộc phải tiến lên theo kịp các nước tiên tiến trên thế giới. Đồng thời tập trung lãnh đạo đẩy lùi những nguy cơ tiềm ẩn có thể đưa nền kinh tế chệch định hướng XHCN; lãnh đạo phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển. Vì đây là một đặc trưng của định hướng XHCN nền kinh tế thị trường ở nước ta, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội ta.

Ngoài ra, phải nhanh chóng khắc phục nguy cơ tiềm ẩn suy thoái kinh tế do tác động của khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới, quyết tâm giảm tỷ lệ lạm phát và tăng giá xuống ở mức một con số; bảo đảm và nâng cao đời sống dân sinh cả về vật chất và tinh thần.

Điều quan trọng là trong sự điều hành, nắm bắt, quản lý đó cần nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế của Đảng, đặc biệt nâng cao năng lực nắm vững các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của nước ta, đề ra những chủ trương, chính sách kinh tế đúng đắn, khai thác được tối đa những tiềm năng trong nước và ngoài nước cho sự nghiệp phát triển kinh tế và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ CNH, HĐH đất nước trong từng thời kỳ phát triển của đất nước. Nâng cao năng lực lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo quần chúng nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện thành công các chính sách đổi mới kinh tế trong bất cứ tình huống khó khăn nào.

Bạn bè quốc tế thời gian qua cũng đánh giá cao những thành tựu kinh tế to lớn mà Việt Nam đạt được trong những năm qua. Trong chuyến thăm cấp Nhà nước của Chủ tịch nước Nguyễn Minh

Triết tới Cộng hòa Italia tháng 12/2009, Chủ tịch Hạ viện Italia - Gianfranco Fini - khẳng định, Việt Nam là một hình mẫu cần được nghiên cứu về kinh nghiệm vượt qua khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới. Trong khi đó, lãnh đạo các đảng cộng sản, cánh tả Italia bày tỏ tin tưởng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam sẽ tiếp tục giành được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trên con đường xây dựng và phát triển đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Lãnh đạo các đảng cộng sản, cánh tả Italia bày tỏ mong muốn tìm hiểu về kinh nghiệm đổi mới của Việt Nam, nhất là vấn đề phát triển kinh tế đi cùng với công bằng xã hội... Và còn rất nhiều những nhận định lạc quan nữa về sự phát triển đáng khích lệ của Việt Nam từ các tổ chức quốc tế, các quốc gia cùng hợp tác trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Rõ ràng là, cho đến nay Đảng ta vẫn là lực lượng chính trị duy nhất đảm nhận vai trò tiếp tục lãnh đạo công cuộc đổi mới kinh tế, đổi mới đất nước giai đoạn mới từ nay về sau - giai đoạn hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng và phát triển bền vững hơn.